BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA XÍ NGHIỆP KHAI THÁC – DỊCH VỤ KHOÁNG SẢN VÀ HÓA CHẤT PHÚ THỌ TRỰC THUỘC CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN APATIT VIỆT NAM KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
XÍ NGHIỆP KHAI THÁC – DỊCH VỤ KHOÁNG SẢN VÀ HÓA CHẤT PHÚ THỌ

TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC – DỊCH VỤ KHOÁNG SẢN VÀ HÓA CHẤT PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 7, Xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: (0210) 3873 239

Fax: (0210) 3873 314

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3941 2626 Fax: (84-4) 3934 7818

TỔ CHỨC TƯ VẤN

IRS SECURITIES
Nơi dịch vụ làm nên bản sắc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ : Số 30 Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3.944.6666 Fax: (04) 3.944.8071

Phú Thọ, tháng 05 năm 2016

MỤC LỤC

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ 4
PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU 5
I. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN 5
II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN 5
III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN 5
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT 5
PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP 6
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA 6
1. Thông tin chung về Doanh nghiệp cổ phần hóa 6
2. Quá trình hình thành và phát triển 6
3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh 7
4. Ngành nghề kinh doanh chính 8
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý Xí nghiệp Khai thác - Dịch vụ khoáng sản và hoá chất Phú Thọ 8
6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần 10
7. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa 11
8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp 13
9. Danh sách Công ty mẹ và Công ty con 21
10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa 22
11. Vị thế của Xí nghiệp so với các doanh nghiệp khác trong ngành 29
II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA 30
1. Mục tiêu cổ phần hóa 30
2. Điều kiện cổ phần hóa 31
3. Hình thức cổ phần hóa 31
4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần 31
5. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa 32
6. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa 32
7. Cơ cấu tổ chức và quản lý Xí nghiệp sau cổ phần hóa 33
III. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA XÍ NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA 34
1. Mục tiêu và tầm nhìn chiến lược phát triển Xí nghiệp 34
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa 36
3. Biện pháp thực hiện 37
PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 38
I. PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN 38

1. Rủi ro về kinh tế 38
2. Rủi ro pháp lý 39
3. Rủi ro đặc thù 39
4. Rủi ro của đợt chào bán 39
5. Rủi ro khác 40
II. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN 40
1. Đối tượng mua cổ phần 40
2. Cổ phần Nhà nước nắm giữ 40
3. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động 40
4. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài 42
5. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán 42
III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA 42
IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN 43
1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Xí nghiệp 43
2. Đại diện Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam 43
3. Đại diện Xí nghiệp Khai thác-Dịch vụ Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ 43
4. Đại diện Tổ chức tư vấn 44
V. KẾ HOẠCH THAM GIA THỊ TRƯỜNG ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH, NIÊM YẾT 44

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Ngành nghề sản xuất kinh doanh 7
Bảng số 2: Danh sách lao động tại thời điểm Công bố giá trị doanh nghiệp 10
Bảng số 3: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần 10
Bảng số 4: Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015 11
Bảng số 5: Thống kê đất đai của Xí nghiệp tính đến thời điểm hiện tại (*) 14
Bảng số 6: Tài sản cố định tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015 17
Bảng số 7: Thống kê máy móc thiết bị, phương tiện vận tải tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015 .. 17
Bảng số 8: Thống kê tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tính đến thời điểm 0h ngày 01/01/2015 ... 19
Bảng số 9: Cơ cấu doanh thu từ năm 2012 – năm 2015 22
Bảng số 10: Cơ cấu chi phí của Xí nghiệp từ 2012-2015 22
Bảng số 11: Cơ cấu lợi nhuận gộp từ 2012-2015 23
Bảng số 12: Thống kê các hợp đồng cung ứng sản phẩm dịch vụ đang được thực hiện hoặc đã ký kết 26
Bảng số 13: Tình hình nợ phải trả tính đến thời điểm 31/12/2015 27
Bảng số 14: Tình hình trích lập quỹ tính đến thời điểm 31/12/2015 27
Bảng số 15: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp 03 bnawm trước khi cổ phần hóa 27
Bảng số 16: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến 32
Bảng số 17: Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa 32
Bảng số 18: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2016-2018 36
Bảng số 19: Kế hoạch sử dụng tiền từ cổ phần hóa 42

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức Xí nghiệp Khai thác-Dịch vụ khoáng sản và hoá chất Phú Thọ 8
Sơ đồ số 2: Cơ cấu tổ chức công ty cổ phần 33

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần.
- Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành tiêu chí, phân loại doanh nghiệp Nhà nước;
- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Quyết định số 2097/QĐ-TTg ngày 28/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;
- Quyết định số 169/QĐ-HCVN ngày 11/6/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam phê duyệt Phương án sắp xếp, tái cơ cấu Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam giai đoạn 2013 – 2015;
- Quyết định số 403/QĐ-HCVN ngày 10/10/2014 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc thực hiện cổ phần hóa XN Khai thác- dịch vụ khoáng sản và hóa chất Phú Thọ trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam;
- Quyết định số 416/QĐ-HCVN ngày 22/10/2014 của Tập đoàn Hóa chất Việt Namvề việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Xí nghiệp Khai thác – dịch vụ khoáng sản và hóa chất Phú thọ trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam;
- Quyết định số 424/QĐ-HCVN ngày 29/10/2014 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Xí nghiệp Khai thác – dịch vụ khoáng sản và hóa chất Phú thọ trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam ;

- Quyết định số 124/QĐ-HCVN ngày 26/04/2016 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Xí nghiệp Khai thác – dịch vụ khoáng sản và hóa chất Phú thọ trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam
- Quyết định số 143/QĐ-HCVN ngày 20/05/2016 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp Khai thác – dịch vụ khoáng sản và hóa chất Phú thọ trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam thành công ty cổ phần.

PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

I. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm – Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3941 2626
- Fax: (84-4) 3934 7818

II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC – DỊCH VỤ KHOÁNG SẢN VÀ HÓA CHẤT PHÚ THỌ

- Địa chỉ: Khu 7, Xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
- Điện thoại: (0210) 3873 239
- Fax: (0210) 3873 314

III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

- Địa chỉ : Số 30 Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3.944.6666
- Fax: (04) 3.944.8071

PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

1. "*Xí nghiệp*": Xí nghiệp Khai thác – dịch vụ khoáng sản và hóa chất Phú Thọ.

2. "*Cổ phần*": Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

3. "*Cổ phiếu*": Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần.

4. "*Cổ đông*": Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông.

5. "*Cổ tức*": Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

6. "*Vốn điều lệ*": vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều lệ Xí nghiệp.

7. Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản Công bố thông tin này có nội dung như sau:

Xí nghiệp	Xí nghiệp Khai thác – Dịch vụ khoảng sản và hóa chất Phú Thọ
Công ty TNHH MTV	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CPH	Cổ phần hóa

LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
TSCĐ	Tài sản cố định
GTDN	Giá trị Doanh nghiệp
QSD	Quyền sử dụng

PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về Doanh nghiệp cổ phần hóa

- Tên doanh nghiệp: XÍ NGHIỆP KHAI THÁC – DỊCH VỤ KHOÁNG SẢN VÀ HÓA CHẤT PHÚ THỌ.
- Trụ sở chính tại: Khu 7, Xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
- Điện thoại: (0210) 3873 239
- Fax: (0210) 3873 314
- Vốn đầu tư chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014: **84.353.832.577 đồng** *(Bằng chữ: Tám mươi tư tỷ ba trăm năm mươi ba triệu tám trăm ba mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng).*
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị kinh tế trực thuộc doanh nghiệp nhà nước số 1816 000 002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 10/11/2003.

2. Quá trình hình thành và phát triển

- ***Quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp:***

- **Giai đoạn từ trước năm 2003:**

Xí nghiệp Khai thác-Dịch vụ Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ tiền thân là Công ty Pyrít được thành lập năm 1974, với ngành nghề kinh doanh là khai thác và chế biến quặng Pyrít.

Quá trình khai thác, chế biến quặng Pyrít đến năm 1998 thì hết nguồn quặng. Công ty Py rít chuyển sang khai thác và chế biến quặng Cao lanh, Fenspat tại Mỏ Ngọt, xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ theo Giấy phép khai thác khoáng sản Số 990/QĐ-ĐCKS ngày 22 tháng 05 năm 1998 của Bộ Trưởng Bộ Công Nghiệp.

- **Giai đoạn từ năm 2003 đến nay:**

Ngày 07/07/2003, Công ty Pyrít sát nhập vào Công ty Apatít Việt nam theo Quyết định số 116/2003/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp.

Ngày 10 tháng 10 năm 2003, Công ty Pyrít đổi tên thành Xí nghiệp Khai thác-Dịch vụ Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ, trực thuộc Công ty Apatít Việt nam theo Quyết định số 688/QĐ-HĐQT của Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Hóa Chất Việt Nam (Nay là Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam). Xí nghiệp là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Apatít Việt nam, có tư cách pháp nhân không đầy đủ, có con dấu, được mở tài khoản tại Ngân hàng.

Ngày 10/11/2003, Xí nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị kinh tế trực thuộc doanh nghiệp nhà nước số 1816 000 002.

- ***Các thành tích đã đạt được:***

Xí nghiệp Khai thác-Dịch vụ khoáng sản và hoá chất Phú Thọ tiền thân là Công ty Pyrít- được thành lập năm 1974 thuộc Tập đoàn hoá chất việt nam. Là doanh nghiệp Nhà nước, với bề dày truyền thống gần 40 năm hoạt động trong ngành khai thác và chế biến khoáng sản.

Hiện nay, Xí nghiệp đang quản lý, khai thác, chế biến quặng Cao lanh, Fenspat tại Mỏ Ngọt – Xã Sơn Thủy - Huyện Thanh Thuỷ – Tỉnh Phú Thọ, khu mỏ có tổng trữ lượng trên 1 triệu tấn và được Nhà Nước chấp thuận về mặt chủ trương cấp phép thăm dò mở của chủ thân quặng mới (thân quặng 614) với tổng trữ lượng 1,2 triệu tấn.

Với hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ khai thác cũng như dây truyền chế biến đồng bộ, hệ thống kho tàng đảm bảo, hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ nên chất lượng sản phẩm của Xí nghiệp mang tính ổn định cao. Hiện Xí nghiệp đang cung cấp nguyên liệu Cao lanh, Fenspat, thạch anh, mica với chất lượng, khối lượng ổn định cho nhiều khách hàng trong và ngoài nước. Các mặt hàng của Xí nghiệp sản xuất được các bạn hàng đánh giá cao về tính ổn định về chất lượng, khối lượng cũng như thời gian giao hàng.

Năm 2014, Xí nghiệp đã được đầu tư Nhà máy tuyển nổi quặng Fenspat công suất 60.000 tấn/năm. Nhà máy đã chạy thử thành công, cho ra các sản phẩm chất lượng cao như fenspat, thạch anh, mica - tương đương các sản phẩm hiện nay các đơn vị sử dụng đang phải nhập khẩu. Đây là nhà máy tuyển nổi Fenspat có công nghệ tiên tiến, hiện đại đầu tiên của Việt nam cũng như trong khu vực.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất hóa chất cơ bản, chế biến phụ gia phân bón, thi công cơ giới và các ngành nghề khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH MTV Apatít Việt nam số 5300100276 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Lào Cao cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/5/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 23/10/2014, ngành nghề hoạt động của Xí nghiệp là:

Bảng số 1: Ngành nghề sản xuất kinh doanh

TT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Khai thác khoáng sản hóa chất và khoáng phân bón: Chi tiết: Tìm kiếm, khảo sát, thăm dò, khai thác, tuyển, chế biến quặng Apatit và các khoáng sản khác phục vụ sản xuất phân bón và hóa chất	0891 (Chính)
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác: Chi tiết: Tìm kiếm, khảo sát, thăm dò quặng Apatit và các khoáng sản phục vụ sản xuất phân bón và hóa chất	0990
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4	Sản xuất phân bón và hợp chất Ni tơ: Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm phân bón	2012
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh các các hóa chất cơ bản và chất tiêu dung có nguồn gốc Apatit	4669
6	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: chi tiết: Thi công công trình đường sắt, đường bộ	4210
7	Xây dựng công trình công ích: Chi tiết: Thi công các công trình điện công nghiệp, hệ thống truyền tait điện đến 35 kv, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp	4220

8	Lắp đặt hệ thống điện: Chi tiết: Thí nghiệm các thiết bị điện và hệ thống điện đến 35kv; kiểm tra các loại công tơ điện và đồng hồ áp lực có phạm vi từ 0 đến 750bar	4321
9	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: Chi tiết: Sửa chữa các loại máy móc, thiết bị cơ giới, thiết bị vận tải ổ tô, thiết bị khai thác, thiết bị đường sắt, thiết bị điện; Sửa chữa các loại cẩu trục, pa lăng, thiết bị nâng có sức nâng đến 100 tấn; Đúc thép và chế tạo các sản phẩm cơ khí, phụ tùng, vật tư	4520
10	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Chi tiết: Tư vấn lập dự án, thiết kế về khai thác mỏ, đường sắt, đường bộ, xây dựng dân dụng và công nghiệp	4390
11	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Chi tiết: Dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn	5510
12	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
13	Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị và hàng hóa; sản xuất kinh doanh nước công nghiệp. (Doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp phải đủ điều kiện mới được hoạt động sản xuất kinh doanh)	

4. Ngành nghề kinh doanh chính

Sản phẩm, dịch vụ chính mà Xí nghiệp cung cấp gồm:

- Fenspat nghiền;
- Fenspat tuyển chất lượng cao;
- Thạch anh chất lượng cao;
- Mica;
- Cao lanh lọc xương;
- Cao lanh lọc men.

5. Cơ cấu tổ chức và quản lý Xí nghiệp Khai thác - Dịch vụ khoáng sản và hoá chất Phú Thọ

Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức Xí nghiệp Khai thác-Dịch vụ khoáng sản và hoá chất Phú Thọ

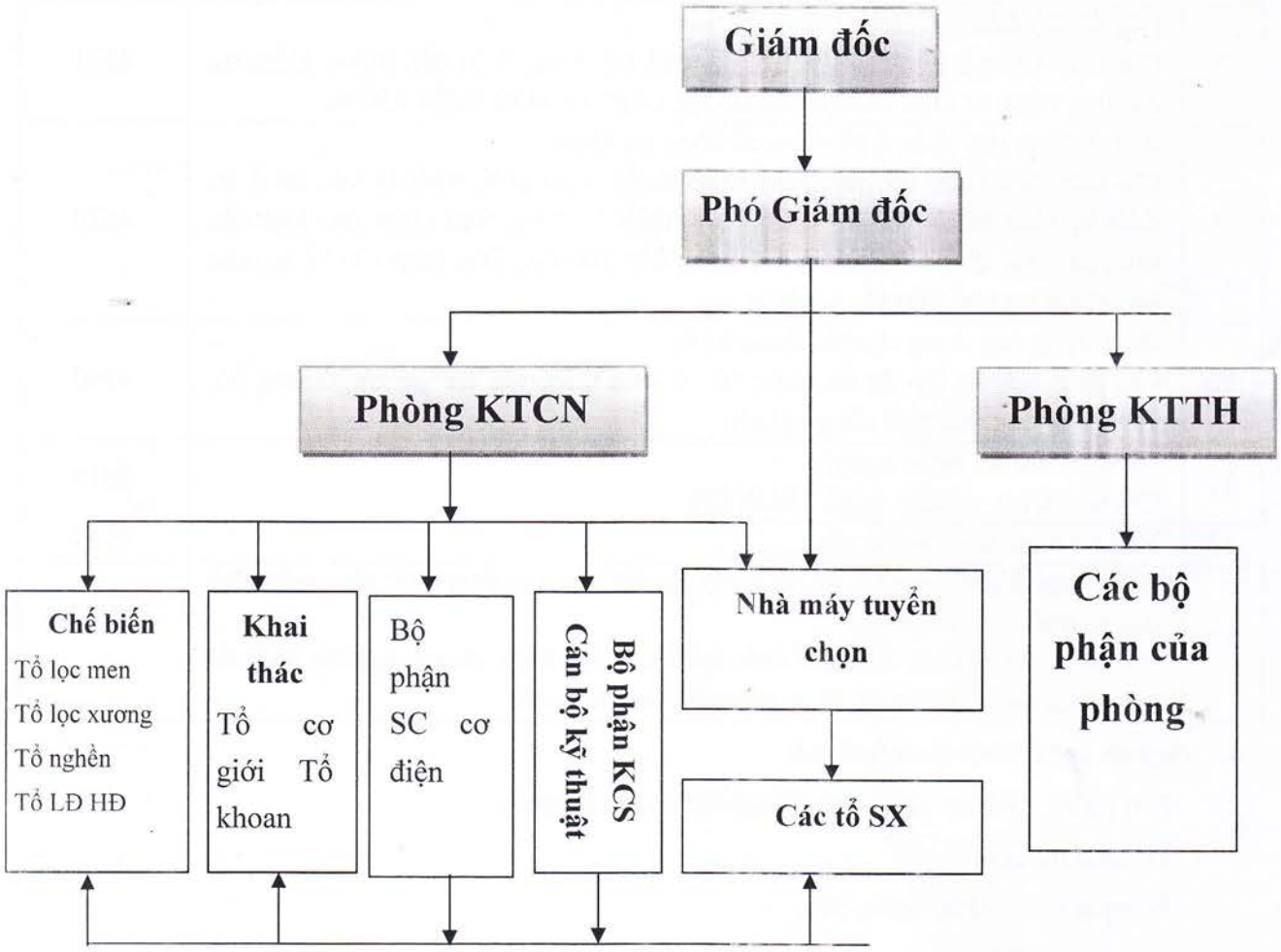

Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban như sau:

❖ **Giám đốc:** Phụ trách điều hành hoạt động của Xí nghiệp.

❖ **Phó Giám đốc:** Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc các công việc được giao.

❖ **Phòng Kỹ thuật Công nghệ:** là đơn vị trong cơ cấu tổ chức quản lý của Xí nghiệp. Tham mưu cho Giám đốc về công tác kỹ thuật – Công nghệ sản xuất, quản lý điều hành công tác cơ điện và trực tiếp điều hành quản lý công tác sản xuất theo kế hoạch tháng quý năm.

❖ **Phòng Kinh tế tổng hợp:**

Phòng kinh tế là đơn vị trong cơ cấu tổ chức quản lý của Xí nghiệp, trực thuộc Công ty. Phòng Kinh tế Tổng hợp có chức năng tham mưu cho Giám đốc Xí nghiệp về công tác tổ chức lao động, tiền lương, đào tạo, các chính sách liên quan đến người lao động.

- Tham mưu cho cho Giám đốc về:

+ Công tác thống kê kế toán tài chính theo nhiệm vụ SXKD của Xí nghiệp phù hợp với cơ chế quản lý và luật pháp luật kế toán hiện hành của Nhà nước, giám sát tài chính trên cơ sở hạch toán kế toán.

+ Công tác văn phòng, hành chính và công tác bảo vệ, quân sư cho Xí nghiệp.

+ Kế hoạch sản xuất, kế hoạch kinh doanh và tổ chức các hoạt động tiêuthụ sản phẩm đạt hiệu quả kinh tế cao.

+ Công tác cung ứng quản lý cấp phát vật tư.

6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

Tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của Xí nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (ngày 26/4/2016) là 116 người, trong đó, Cơ cấu lao động như sau:

Bảng số 2: Danh sách lao động tại thời điểm Công bố giá trị doanh nghiệp

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ lao động	**116**	**100**
- Trên đại học	00	0,00
- Trình độ đại học và tương đương	15	12,93
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	07	6,03
- Trình độ trung cấp	11	9,48
- Trình độ sơ cấp	33	28,45
- Công nhân kỹ thuật	49	42,24
- Lao động phổ thông	01	0,86
Phân theo loại hợp đồng lao động	**116**	**100**
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	00	0,00
- Hợp đồng không xác định thời hạn	103	88,79
- Hợp đồng có thời hạn từ 1-3 năm	13	11,21
- Hợp đồng thời vụ	00	0,00
Phân theo giới tính	**116**	**100**
- Nam	96	82,76
- Nữ	20	17,24

(Nguồn: Phương án sử dụng lao động - Phương án cổ phần hóa của Xí nghiệp)

Căn cứ đặc thù hoạt động của Xí nghiệp, thực trạng hoạt động của Xí nghiệp trước khi cổ phần hóa và phương án sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa. Xí nghiệp dự kiến cơ cấu sắp xếp lao động sau cổ phần hóa như sau:

Bảng số 3: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Tổng cộng	**116**	**100**
Phân theo trình độ lao động	**116**	**100**
- Trên đại học	00	0,00
- Trình độ đại học và tương đương	15	12,93
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	07	6,03

- Trình độ trung cấp	11	9,48
- Trình độ sơ cấp	33	28,45
- Công nhân kỹ thuật	49	42,24
- Lao động phổ thông	01	0,86
Phân theo loại hợp đồng lao động	**116**	**100**
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	00	0,00
- Hợp đồng lao động không thời hạn	103	88,79
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	13	11,21
- Hợp đồng thời vụ	00	0,00
Phân theo giới tính	**116**	**100**
- Nam	96	82,76
- Nữ	20	17,24

(Nguồn: Phương án sử dụng lao động – Phương án cổ phần hóa Xí nghiệp)

7. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

7.1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-HCVN ngày 26/04/2016 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Xí nghiệp Khai thác – dịch vụ khoáng sản và hóa chất Phú thọ trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015 để cổ phần hoá là: **99.730.955.243** đồng *(Bằng chữ: Chín mươi chín tỷ, bảy trăm ba mươi triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm bốn mươi ba đồng).*
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Xí nghiệp tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015 để cổ phần hoá là: **88.859.626.481** *đồng (Bằng chữ: Tám mươi tám tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm tám mươi mốt đồng).*

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa Xí nghiệp tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015 được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Bảng số 4: Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	**94.800.046.604**	**99.730.955.243**	**4.930.908.639**
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	**64.510.704.964**	**68.813.341.653**	**4.302.636.689**
1. Tài sản cố định	60.660.476.368	64.960.942.442	4.300.466.074
a. Tài sản cố định hữu hình	60.660.476.368	64.960.942.442	4.300.466.074
- Nhà cửa vật kiến trúc	*26.945.027.220*	*29.192.341.002*	*2.247.313.782*

- Máy móc thiết bị	*31.129.433.949*	*32.257.561.716*	*1.128.127.767*
- Phương tiện vận tải	*2.586.015.199*	*3.511.039.724*	*925.024.525*
b. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	100.500.000	70.143.954	(30.356.046)
4. Tài sản dài hạn khác	3.749.728.596	3.782.255.258	32.526.662
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	**30.289.341.640**	**30.917.613.590**	**628.271.950**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	2.168.251.003	2.168.251.003	-
a. Tiền mặt tồn quỹ	93.121.533	93.121.533	-
b. Tiền gửi ngân hàng	2.075.129.470	2.075.129.470	-
c. Các khoản tương đương tiền	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	10.407.687.207	11.035.959.157	628.271.950
- Phải thu của khách hàng	*9.748.379.336*	*9.748.379.336*	
- Trả trước cho người bán	*157.956.771*	*157.956.771*	
- Các khoản phải thu khác	*1.129.623.050*	*1.129.623.050*	
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	*(628.271.950)*	-	*628.271.950*
4. Hàng tồn kho	15.074.693.108	15.074.693.108	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	2.638.710.322	2.638.710.322	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. Tài sản không cần dùng (Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)	**425.114.735**	**425.114.735**	-
I. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	-	-	-
- Phải thu của khách hàng	*2.162.269.009*	*2.162.269.009*	-
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	*(2.162.269.009)*	*(2.162.269.009)*	-
II. TSCĐ và đầu tư dài hạn	**425.114.735**	**425.114.735**	
2. Tài sản cố định	425.114.735	425.114.735	-
- Nguyên giá	*3.095.353.529*	*3.095.353.529*	
- Giá trị hao mòn lũy kế	*2.670.238.794*	*2.670.238.794*	
C. Tài sản chờ thanh lý	-	-	-

I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	-	-	-
1. Tài sản cố định	-	-	-
- Nguyên giá	-	-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng(không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C+D) Trong đó:	**95.225.161.339**	**100.156.069.978**	**4.930.908.639**
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	**94.800.046.604**	**99.730.955.243**	**4.930.908.639**
E1. Nợ thực tế phải trả Trong đó:	**10.871.328.762**	**10.871.328.762**	-
Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN			
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1 + E2)]	**83.928.717.842**	**88.859.626.481**	**4.930.908.639**

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN của Xí nghiệp)

7.2. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

Theo số liệu trên sổ kế toán, đến thời điểm 0h ngày 01/01/2015, Xí nghiệp Khai thác dịch vụ khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ còn nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước là 2.715.242.550 đồng. Đơn vị đang thực hiện kiểm tra quyết toán thuế cho 03 năm 2012, 2013 và 2014. Sau khi thực hiện kiểm tra quyết toán thuế nếu có chênh lệch thì sẽ được điều chỉnh trước khi chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

Tài sản không cần dùng của Xí nghiệp có nguyên giá trên sổ sách kế toán tại 0h ngày 01/01/2015 là **3.095.353.529 đồng**, giá trị còn lại là **425.114.735 đồng** và các khoản công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa (bao gồm cả các khoản nợ khó đòi đã được xử lý bằng nguồn dự phòng trong vòng 05 năm liền kề trước khi cổ phần hóa). Xí nghiệp khai thác dịch vụ khoáng sản và hóa chất Phú Thọ có trách nhiệm bàn giao cho Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam theo quy định pháp luật.

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

- ***Tình hình đất đai***

Bảng số 5: Thống kê đất đai của Xí nghiệp tính đến thời điểm hiện tại (*)

TT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích đất (m^2)	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty Cổ phần	
					Mục đích sử dụng sau cổ phần hóa	*Hình thức sử dụng*
01	Khu 7 xã Sơn Thủy, huyện Thanh thủy, tỉnh Phú Thọ	102.400	- Quyết định Số: 644/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho Công ty Pyrit thuộc Tổng công ty Hóa chất Việt Nam thuê đất để khai thác Caolin-Fenspat tại Mỏ Ngọt, tỉnh Phú Thọ, - Hợp đồng thuê đất Số: 205A/HĐTĐ ngày 11 tháng 11 năm 2009, - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số 00028 - QSDĐ ngày 8/7/2002, - Thời gian thuê đất: 20 năm, từ 23/7/1998 đến 23/7/2018.	Làm khai trường khai thác quặng Caolin-Fenspat theo Giấy phép khai thác số: 990/QĐ-ĐCKS ngày 22/5/1998	Tiếp tục làm khai trường khai thác quặng Caolin-Fenspat	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.
02	Khu 7 xã Sơn Thủy, huyện Thanh thủy, tỉnh Phú Thọ	122.000	- Quyết định Số: 644/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho Công ty Pyrit thuộc Tổng công ty Hóa chất Việt Nam thuê đất để khai thác Caolin-Fenspat tại Mỏ Ngọt, tỉnh Phú Thọ, - Hợp đồng thuê đất Số: 205A/HĐTĐ ngày 11 tháng 11 năm 2009, - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số 00028 - QSDĐ ngày 8/7/2002, - Thời gian thuê đất: 20 năm, từ 23/7/1998 đến 23/7/2018.	Làm bãi thải đất đá thuộc khai trường khai thác quặng Caolin-Fenspat Mỏ Ngọt	Tiếp tục làm bãi thải đất đá thuộc khai trường khai thác quặng Caolin-Fenspat Mỏ Ngọt	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.
03	Khu 7 xã Sơn Thủy, huyện Thanh thủy, tỉnh Phú Thọ	35.100	- Quyết định Số: 644/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho Công ty Pyrit thuộc Tổng công ty Hóa chất Việt Nam thuê đất để khai thác Caolin-Fenspat tại Mỏ Ngọt, tỉnh Phú Thọ, - Hợp đồng thuê đất Số: 205A/HĐTĐ ngày 11 tháng 11 năm 2009, - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số 00028 - QSDĐ ngày 8/7/2002, - Thời gian thuê đất: 20 năm, từ 23/7/1998 đến 23/7/2018.	Xây dựng nhà, xưởng chế biến quặng Caolin-Fenspat	Tiếp tục làm nhà, xưởng chế biến quặng Caolin-Fenspat	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.

04	Khu 7 xã Sơn Thủy, huyện Thanh thủy, tỉnh Phú Thọ	17.300	- Quyết định Số: 644/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho Công ty Pyrit thuộc Tổng công ty Hóa chất Việt Nam thuê đất để khai thác Caolin-Fenspat tại Mỏ Ngọt, tỉnh Phú Thọ, - Hợp đồng thuê đất Số: 205A/HĐTĐ ngày 11 tháng 11 năm 2009, - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số 00028 - QSDĐ ngày 8/7/2002, - Thời gian thuê đất: 20 năm, từ 23/7/1998 đến 23/7/2018.	Làm nhà tạm cho công nhân làm việc tại Mỏ ngọt	Tiếp tục làm nhà tạm cho công nhân làm việc tại Mỏ ngọt	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.
05	Thôn Thượng Lộc, xã Bảo Yên, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ	380	- Quyết định Số: 2525/QĐ-UB ngày 21 tháng 11 năm 1998 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thu hồi và giao đất cho Công ty Pyrit xây dựng công trình trạm điện vào Mỏ Ngọt, Tam Thanh, Phú Thọ, - Hợp đồng thuê đất Số: 205A/HĐTĐ ngày 11 tháng 11 năm 2009, -Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số 00028 - QSDĐ ngày 8/7/2002. - Thời gian thuê đất: 20 năm, từ 23/7/1998 đến 23/7/2018	Làm công trình cung cấp điện cho mỏ Ngọt, Thanh Thủy, Phú Thọ,	Tiếp tục làm công trình cung cấp điện cho Mỏ Ngọt,Thanh Thủy, Phú Thọ	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.
06	Khu 7 xã Sơn Thủy, huyện Thanh thủy, tỉnh Phú Thọ	33.100	- Quyết định Số: 2708/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2012 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thu hồi, chuyển mục đích và giao đất cho Công ty TNHH một thành viên Apatit việt Nam để đầu tư xây dựng các hạng mục công trình thuộc dự án xưởng tuyển Fenspat, tại xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy - Hợp đồng thuê đất Số: 36/2013/HĐTĐ ngày 04 tháng 9 năm 2013. - Thời gian thuê đất: 16 năm, từ 11/10/2012 đến 31/12/2027	Làm các hạng mục công trình thuộc dự án xưởng tuyển Fenspat Mỏ Ngọt, xã Sơn Thủy	Tiếp tục làm các hạng mục công trình thuộc dự án xưởng tuyển Fenspat Mỏ Ngọt, xã Sơn Thủy	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.
07	Khu 7 xã Giáp Lai, huyện Thanh sơn, tỉnh Phú Thọ	6.835,2	Đã có QĐ giao đất ngày 16/05/2015. Hiện, Xí nghiệp đang làm hợp đồng thuê đất với UBND tỉnh Phú Thọ. Dự kiến tháng 6/2016 sẽ ký Hợp đồng thuê đất	Làm nhà văn phòng của Xí nghiệp	Tiếp tục Làm nhà văn phòng	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.

08	Khu 7 xã Giáp Lai, huyện Thanh sơn, tỉnh Phú Thọ	5.319,0	Đang làm thủ tục thuê đất. Dự kiến tháng 6/2016 sẽ hoàn tất thủ tục thuê đất với UBND tỉnh Phú Thọ.	Làm xưởng sản xuất	Tiếp tục làm xưởng sản xuất	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.

(*) Ngày 12/05/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định số 1089/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Xí nghiệp khai thác Dịch vụ Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ. Đối với các khu đất trên, Xí nghiệp lựa chọn hình thức thuê đất của nhà nước trả tiền thuê hàng năm, Xí nghiệp Khai thác dịch vụ khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ sẽ thực hiện ký hợp đồng thuê đất có thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai và không tính bổ sung giá trị lợi thế vị trí địa lý khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

- *Tài sản cố định*

Bảng số 6: Tài sản cố định tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ kế toán		Giá trị thực tế	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ĐANG DÙNG**	**72.318.572.301**	**60.660.476.368**	**77.948.446.184**	**64.960.942.442**
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**72.318.572.301**	**60.660.476.368**	**77.948.446.184**	**64.960.942.442**
1	Nhà, vật kiến trúc	28.841.849.683	26.945.027.220	34.471.723.566	29.192.341.002
2	Máy móc thiết bị	37.170.032.754	31.129.433.949	37.170.032.754	32.257.561.716
3	Phương tiện vận tải	6.306.689.864	2.586.015.199	6.306.689.864	3.511.039.724
B	**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÔNG CẦN DÙNG**	**3.095.353.529**	**425.114.735**	**3.095.353.529**	**425.114.735**
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**3.095.353.529**	**425.114.735**	**3.095.353.529**	**425.114.735**
1	Nhà cửa vật kiến trúc	196.795.484	-	196.795.484	-
2	Máy móc thiết bị	2.494.501.803	425.114.735	2.494.501.803	425.114.735
3	Phương tiện vận tải	404.056.242	-	404.056.242	-
C	**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CHỜ THANH LÝ**	-	-	-	-
D	**TSCĐ HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, QUỸ PHÚC LỢI**	-	-	-	-
	Tổng cộng	**75.413.925.830**	**61.085.591.103**	**81.043.799.713**	**65.386.057.177**

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN của Xí nghiệp)

Do đặc trưng là đơn vị khai thác, chế biến khoáng sản, do đó tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị tài sản của Xí nghiệp. Tài sản cố định chủ yếu của Xí nghiệp là các Nhà xưởng, Nhà tuyển Fenspat, máy móc thiết bị phục vụ cho công tác khai thác, chế biến khoáng sản.

- ***Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải***

Bảng số 7: Thống kê máy móc thiết bị, PTVT tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ sách		Kiểm kê thực tế	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	**PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI**	**6.306.689.864**	**2.586.015.199**	**6.306.689.864**	**3.511.039.724**
1	Xe ôtô Civic 2.0 19N-0657	566.477.500	184.378.786	566.477.500	305.897.850

2	Xe ôtô Kamaz 19N-1353	929.548.524	274.739.788	929.548.524	436.887.806
3	Xe ôtô Kamaz 19N-1350	929.548.524	274.739.788	929.548.524	436.887.806
4	Xe ôtô Huyndai HD - 270 (19N - 5835)	1.415.689.476	630.592.928	1.415.689.476	835.256.791
5	Xe ôtô Huyndai HD - 270 (19N - 5849)	1.415.689.476	630.592.928	1.415.689.476	792.786.107
6	Xe ôtô Huyndai Santafe (19N - 6169)	1.049.736.364	590.970.981	1.049.736.364	703.323.364
II	**MÁY MÓC THIẾT BỊ**	**37.170.032.754**	**31.129.433.949**	**37.170.032.754**	**32.257.561.716**
A	**TSCĐ đã khấu hao hết giá trị**	**2.129.942.851**	**-**	**2.129.942.851**	**609.760.621**
1	Bơm bùn, Xylycon	103.073.650	-	103.073.650	32.983.568
2	Máy đánh tơi, phân cấp xoắn	82.425.784	-	82.425.784	26.376.251
3	Bơm ly tâm	111.821.552	-	111.821.552	35.782.897
4	Máy sấy băng tải	704.140.897	-	704.140.897	225.325.087
5	Máy ép khung bản, máy tuyển từ	414.628.361	-	414.628.361	132.681.076
6	Trạm 35 KV/6KV	138.412.217	-	138.412.217	41.523.665
7	Hệ thống băng tải, cấp liệu	52.609.673	-	52.609.673	10.521.935
8	Đường dây 6KV/0,4&trạm 35KV/6KV	522.830.717	-	522.830.717	104.566.143
B	**Máy móc thiết bị hiện có**	**6.971.697.889**	**3.286.018.144**	**6.971.697.889**	**3.804.385.290**
9	Máy nghiền Fenpat 4R-3216	392.985.046	33.567.500	392.985.046	133.614.916
10	Máy xúc bánh lốp gầu 0,6 m3	1.323.397.352	134.936.603	1.323.397.352	397.019.206
11	Máy biến áp 180KVA-6/0,4KV	80.000.000	21.878.978	80.000.000	43.200.000
12	Máy xúc gầu ngược HITACHI ZX330-3	3.601.252.127	2.161.134.563	3.601.252.127	2.196.763.797
13	Máy nghiền Fenpat 5R-4119	1.209.827.000	691.329.724	1.209.827.000	774.289.280
14	Máy lọc ép khung bản số 2	272.500.000	190.750.012	272.500.000	196.200.000
15	Máy bơm bùn 3/2C-AH	91.736.364	52.420.764	91.736.364	63.298.091
C	**Máy móc thiết bị tăng do xây dựng mới**	**27.758.592.014**	**27.535.771.823**	**27.758.592.014**	**27.535.771.823**
16	Máy kẹp hàm XPC 100x150	30.580.000	30.325.167	30.580.000	30.325.167
17	Lò nung Nabertherm L5/12/B180	108.600.000	107.695.000	108.600.000	107.695.000
18	Máy quang kế ngọn lửa Jenway PFP7	201.150.000	199.473.750	201.150.000	199.473.750
19	Cân phân tích điện tử Sartorius CPA 224S	74.600.000	73.978.333	74.600.000	73.978.333
20	Tủ hút hơi độc FH-01 TD-KDI	70.000.000	69.416.667	70.000.000	69.416.667
21	Chén bạch kim 1 PT-30ml	76.800.000	76.160.000	76.800.000	76.160.000
22	Chén bạch kim 2 PT-30ml	76.800.000	76.160.000	76.800.000	76.160.000

23	Máy móc thiết bị của nhà đập thô	1.613.405.543	1.600.060.729	1.613.405.543	1.600.060.729
24	Máy móc thiết bị của nhà cầu băng tải	150.701.704	149.455.219	150.701.704	149.455.219
25	Máy móc thiết bị trong nhà tuyển	21.187.028.363	21.011.950.942	21.187.028.363	21.011.950.942
26	Thiết bị của trạm bơm nước sạch	181.159.021	179.660.617	181.159.021	179.660.617
27	Thiết bị của trạm bơm nước tuần hoàn	181.159.021	179.660.617	181.159.021	179.660.617
28	Thiết bị của trạm biến áp 100KVA - trạm bơm	259.319.151	257.174.268	259.319.151	257.174.268
29	Thiết bị củaTrạm biến áp 1000KVA khu sản xuất chính	1.133.822.626	1.124.444.542	1.133.822.626	1.124.444.542
30	Đường ống cấp nước sạch cho sản xuất	348.300.163	346.379.182	348.300.163	346.379.182
31	Đường ống nước tuần hoàn	185.620.211	184.596.459	185.620.211	184.596.459
32	Đường dây 6KV cấp điện cho trạm bơm nước sạch	322.227.914	320.450.729	322.227.914	320.450.729
33	Đường dây 0,4KV cấp điện cho trạm bơm tuần hoàn	205.033.413	203.902.591	205.033.413	203.902.591
34	Hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà	117.737.532	117.088.174	117.737.532	117.088.174
35	Đường ống thải bùn	692.417.896	688.599.001	692.417.896	688.599.001
36	Đường ống cấp nước sinh hoạt	209.002.910	207.850.196	209.002.910	207.850.196
37	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	333.126.546	331.289.640	333.126.546	331.289.640
D	**Tăng do mua sắm mới**	**309.800.000**	**307.643.982**	**309.800.000**	**307.643.982**
38	Hệ thống tủ biến tần điều khiển bơm bùn 75KW	127.600.000	126.536.667	127.600.000	126.536.667
39	Hệ thống tủ biến tần điều khiển bơm bùn 75KW	127.600.000	126.536.667	127.600.000	126.536.667
40	Máy photocopy RICOH Aficio MP - 6000	54.600.000	54.570.648	54.600.000	54.570.648
	Tổng cộng (I+II)	**43.476.722.618**	**33.715.449.148**	**43.476.722.618**	**35.768.601.440**

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Xí nghiệp)

- ***Nhà cửa, vật kiến trúc.***

Bảng số 8: Thống kê tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tính đến thời điểm 0h ngày 01/01/2015

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ kế toán		Giá trị xác định lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	**TÀI SẢN ĐANG THEO DÕI TRÊN SỔ SÁCH KẾ TOÁN**				
I	**Nhà cửa vật kiến trúc hiện có**				

1	Kho vật liệu nổ	97.892.259	44.051.513	97.892.259	49.925.052
2	Đường ô tô khai trường -bãi thải-suối hằng	112.685.434	50.708.461	112.685.434	57.469.571
3	Mặt bằng công nghiệp	224.137.724	56.034.457	224.137.724	67.241.317
4	Mặt bằng dân dụng	87.895.419	21.973.848	87.895.419	26.368.626
5	Nhà xưởng cao lanh men	919.079.805	497.834.915	1.091.422.855	579.534.329
5.1	*Nhà xưởng cao lanh men*			*1.064.417.455*	*564.141.251*
5.2	*Nhà trạm bơm nước*			*27.005.400*	*15.393.078*
II	**Nhà cửa vật kiến trúc tăng do xây dựng mới**				
6	Sân chứa quặng nguyên khai	248.749.806	247.377.875	248.749.806	247.377.875
7	Nhà đập thô	1.858.416.764	1.848.705.978	1.858.416.764	1.848.705.978
8	Nhà cầu băng tải	619.381.339	615.965.263	619.381.339	615.965.263
9	Nhà tuyển	14.305.026.308	14.233.168.664	14.305.026.308	14.233.168.664
10	Kho sản phẩm	2.083.291.726	2.071.801.740	2.083.291.726	2.071.801.740
11	Nhà điều hành sản xuất	910.828.388	905.804.893	910.828.388	905.804.893
12	Nhà ăn ca + KCS	1.066.231.517	1.060.350.927	1.066.231.517	1.060.350.927
13	Trạm bơm nước sạch	875.475.133	870.646.622	875.475.133	870.646.622
14	Đập hồ thải	1.625.465.967	1.616.501.029	1.625.465.967	1.616.501.029
15	Đập ngăn nước mặt và các mương thu nước mặt	1.244.489.527	1.237.625.790	1.244.489.527	1.237.625.790
16	Bể chứa nước sạch cho sản xuất	382.164.920	380.057.164	382.164.920	380.057.164
17	Trạm bơm nước tuần hoàn	573.610.002	570.446.369	573.610.002	570.446.369
18	Trạm biến áp 100KVA Trạm bơm	143.350.846	142.560.223	143.350.846	142.560.223
19	Trạm biến áp 1000KVA khu sản xuất chính	107.581.580	106.988.235	107.581.580	106.988.235
20	Đường nội bộ	368.455.397	366.423.254	368.455.397	366.423.254
III	**Tài sản đã khấu hao hết giá trị**				
21	Nhà bảo vệ mái bằng khu hành chính	35.542.000	-	35.542.000	12.795.120
22	Nhà làm việc hai tầng	308.945.950	-	3.551.363.636	1.171.950.000
23	Xưởng nghiền Fenspát	643.151.872	-	1.637.454.546	586.389.819
	Nhà xưởng nghiền Fenspát và nhà lắng bụi			*1.560.109.091*	561.639.273
	Nhà ăn ca xưởng nghiền			*77.345.455*	24.750.546
B	**TÀI SẢN KHÔNG THEO DÕI TRÊN SỔ SÁCH KẾ TOÁN**				
1	Nhà bảo vệ kho vật liệu nổ			29.721.273	8.916.382

2	Kho phục vụ sản xuất 1			165.090.909	49.527.273
3	Kho phục vụ sản xuất 2			613.500.000	184.050.000
4	Phòng bảo vệ thường trực			14.618.291	4.385.487
5	Khu lán trại (khu tập thể)			397.880.000	119.364.000
Tổng Cộng		**28.841.849.683**	**26.945.027.220**	**34.471.723.566**	**29.192.341.002**

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN của Xí nghiệp)

- ***Biến động về tài sản cố định:***

Sau thời điểm 31/12/2014, Tài sản cố định của Xí nghiệp có biến động tăng, cụ thể như sau:

STT	Tên Tài sản cố định	Ngày tăng	Nguyên giá (đồng)
I	**Tăng điều chuyển nội bộ**		**672.836.103**
1	Xe ô tô KAMAZ 24N-3762	31/03/2015	472.777.143
2	Thùng chứa axit ngâm cánh lọc	01/07/2015	139.959.140
3	Giá ngâm cánh lọc gồm	01/07/2015	60.099.820
II	**Tăng do mua sắm mới**		**642.101.818**
1	Máy xúc lật bánh lốp hiệu Mountain Raise	21/07/2015	318.181.818
2	Biến tần 200KW	31/03/2015	323.920.000
	Tổng cộng		**1.314.937.921**

(Nguồn: Xí nghiệp Khai thác dịch vụ Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ)

9. Danh sách Công ty mẹ và Công ty con

- ***Công ty mẹ:***

Xí nghiệp Khai thác - Dịch vụ khoáng sản và hoá chất Phú Thọ là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam. Thông tin cụ thể về Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam như sau:

- Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam
- Tên giao dịch quốc tế : Vietnam Apatit Limited Company
- Tên rút gọn : Công ty Apatit Việt Nam
- Địa chỉ : Phường Pom Hán, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai - Việt Nam
- Điện thoại : (84) 020 852 252
- Fax : (84) 020 852 399
- Website : http://vinaapaco.com/
- Ngành nghề kinh doanh :
  - Khai thác, chế biến khoáng sản các loại (Chủ yếu là khai thác và tuyển quặng Apatit).
  - Sản xuất P4, phân bón và hoá chất các loại.
  - Chế tạo các sản phẩm cơ khí, đúc thép, sửa chữa thiết bị máy móc, thiết bị vận tải đường sắt, đường bộ.
  - Thi công các công trình kiến trúc; Xây dựng cơ bản kỹ thuật hạ

tầng, công trình thuỷ lợi, đường giao thông, đường sắt, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35KV.
- Kinh doanh xăng dầu; Chế biến các chất phụ gia cho sản xuất phân bón, hoá chất cơ bản.
- Đào tạo công nhân kỹ thuật.
- Xuất nhập khẩu nguyên liệu vật tư thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Kinh doanh dịch vụ: Nhà khách, nhà nghỉ, thiết bị phụ tùng, máy móc nguyên vật liệu hoá chất, các loại phân bón, sửa chữa cơ điện, phương tiện vận tải.
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.

- ***Công ty con:***

Không có.

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

10.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

Xí nghiệp Khai thác - Dịch vụ Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ là đơn vị hạch toán phụ thuộc trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam, do đó XN không lập Báo cáo tài chính riêng, các số liệu sử dụng Bản Công bố thông tin được trích theo Báo cáo của Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam.

Bảng số 9: Cơ cấu doanh thu từ năm 2012 – năm 2015

TT	Doanh thu theo các lĩnh vực	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị *(Triệu đồng)*	Tỷ trọng (%)	Giá trị *(Triệu đồng)*	Tỷ trọng (%)	Giá trị *(Triệu đồng)*	Tỷ trọng (%)	Giá trị *(Triệu đồng)*	Tỷ trọng (%)
1	Từ hoạt động SX	21.572	99	23.544	99	28.300	91,6	27.006	97,4
2	Từ hoạt động dịch vụ	12	-	227	0,95	80	0,4	-	-
3	Từ hoạt động tài chính	51	0,2	29	0,05	44	-	369	1,3
4	Từ hoạt động khác	174	0,8	-	-	17	8	365	1,3
Tổng doanh thu		**21.809**	**100**	**23.800**	**100**	**28.441**	**100**	**27.740**	**100**

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam)

Doanh thu của Xí nghiệp trong những năm qua có xu hướng tăng. Chiếm chủ yếu trong tổng Doanh thu của Xí nghiệp là Doanh thu từ hoạt động sản xuất khai thác, chế biến khoáng sản của Xí nghiệp. Năm 2014, Doanh thu hoạt động sản xuất tăng mạnh nguyên nhân do năm 2014 Xí nghiệp hạch toán hơn 2,4 tỷ đồng doanh thu xây dựng cơ bản.

Bảng số 10: Cơ cấu chi phí của Xí nghiệp từ 2012-2015

TT	Chi phí theo các lĩnh vực	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	%/	Giá trị	%/	Giá trị	%/	Giá trị	%/

		(Triệu đồng)	**DTT**	*(Triệu đồng)*	**DTT**	*(Triệu đồng)*	**DTT**	*(Triệu đồng)*	**DTT**
1	Từ hoạt động SX	15.652	72,5	17.237	72,51	20.856	73,49	29.400	108,86
2	Từ hoạt động dịch vụ	00	-	00	-	00	-	00	-
Giá vốn hàng bán		**15.652**	**72,5**	**17.237**	**72,51**	**20.856**	**73,49**	**29.400**	**108,86**
Doanh thu thuần		**21.584**	**100**	**23.771**	**100**	**28.380**	**100**	**27.006**	**100**

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam)

Bảng số 11: Cơ cấu lợi nhuận gộp từ 2012-2015

TT	Lợi nhuận gộp theo các lĩnh vực	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Từ hoạt động SX	5.920	99,80	6.307	96,53	7.444	98,94	(2.394)	100
2	Từ hoạt động dịch vụ	12	0,20	227	3,47	80	1,06	-	-
	Tổng lợi nhuận	**5.932**	**100**	**6.534**	**100**	**7.524**	**100**	**(2.394)**	**100**

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam)

- ***Nguyên vật liệu:***

Lĩnh vực hoạt động chính của Xí nghiệp là khai thác, chế biến khoáng sản cho ra các sản phẩm chất lượng cao như cao lanh, Fenspat, mica ... do đó, nguồn nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu cho hoạt động sản xuất của Xí nghiệp là nguồn nhiên liệu xăng dầu; vật liệu nổ; vật tư phụ tùng thay thế .... Nguồn khoáng sản phục vụ sản xuất do Xí nghiệp tự khai thác, tuy nhiên trong quá trình khai thác, chi phí để sản xuất ra các sản phẩm như Cao lanh, Fenspat ... của Xí nghiệp phụ thuộc vào các nguồn nguyên nhiên liệu khác như: nhiên liệu xăng dầu; vật liệu nổ; vật tư phụ tùng thay thế, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí khác (các loại thuế phí, lệ phí, đóng góp cơ sở hạ tầng địa phương, tiền cấp quyền khai thác, tiền sử dụng tài liệu địa chất....) luôn biến động theo thị trường và các chính sách quản lý của Nhà nước có sự thay đổi liên tục. Vì vậy đã ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu, lợi nhuận của Xí nghiệp.

- ***Trình độ công nghệ:***

Với hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ khai thác cũng như dây truyền chế biến đồng bộ, hệ thống kho đảm bảo, hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ. Các mặt hàng của Xí nghiệp sản xuất được các bạn hàng đánh giá cao về tính ổn định về chất lượng, khối lượng cũng như thời gian giao hàng. Quy trình khai thác, chế biến của Xí nghiệp được quản lý nghiêm ngặt đảm bảo chất lượng đầu ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu cao khách hàng.

Quy trình khai thác, chế biến sản phẩm của Xí nghiệp được thể hiện dưới dây:

❖ **Khâu khai thác:**

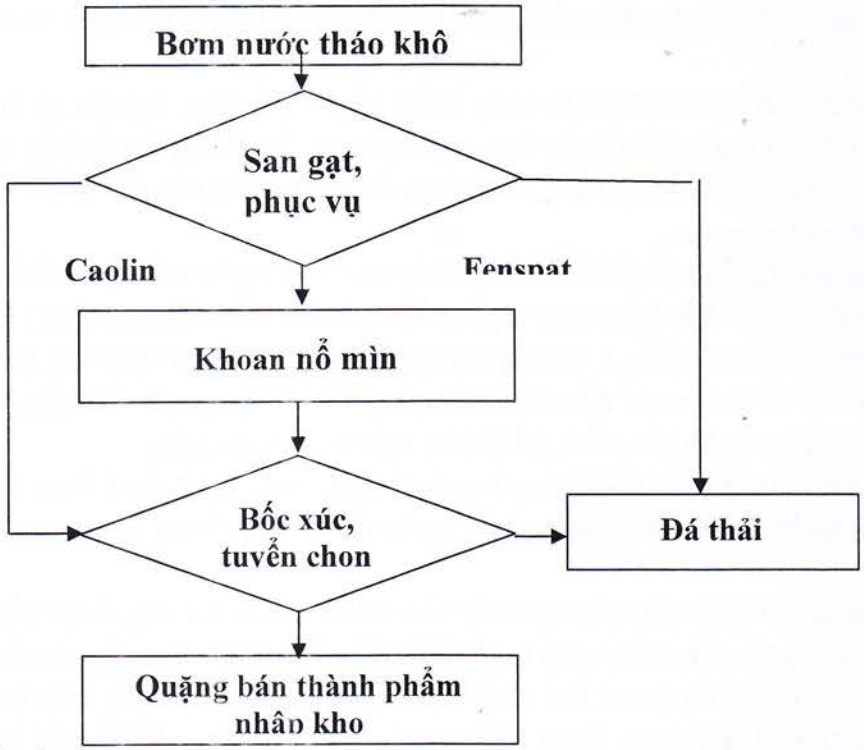

❖ **Khâu chế biến cao lanh men:**

Caolin nguyên khai Dmax<= 300mm từ bunke qua cấp liệu đĩa xuống máy rửa cánh vuông tại đây nguyên liệu được đánh tơi sản phẩm mịn < 1mm qua ngưỡng tràn xuống máy rửa cánh vuông, cát thô >1 mm được máy rửa cánh vuông vét thải về phía đuôi ra ngoài, bùn tràn xuống phễu phân cấp thuỷ lực sản phẩm tràn <0,15 mm xuống bể trung gian bơm lên xiclon I sản phẩm tràn xiclon1 0,45mm qua tiếp xiclon II bùn tràn lên sang kiểm tra 0,1mm và 0,045mm. Cát phân cấp ruột xoắn thai ra ngoài bói thải, cột xicol I xuống phân cấp ruổng xoắn cột xiclon II xuống bề trung gian. Sản phẩm trên sàng thải bỏ. Sản phẩm dưới sàng xuống bể cô đặc, bể trung hoà rồi bơm lên máy lọc ép cho sản phẩm có độ ẩm < 30%. Sản phẩm này được đóng bao trực tiếp đưa tiêu thụ hoặc qua máy đùn ép rồi vào máy sấy sản phẩm thu được độ ẩm < 12% rồi đóng bao vận chuyển lưu kho.

❖ **Khâu tuyển Fenspat:**

Mô tả sơ đồ công nghệ, thiết bị tuyển nổi

Quặng nguyên khai có cỡ hạt ≤ 300 mm được ô tải cấp vào phễu nhận nguyên liệu đầu vào máy đập hàm để đập giảm kích thước quặng tới ≤ 90 mm. Sau đó sản phẩm sau đập hàm được băng tải chuyển tới máy đập rotor (hoặc máy đập búa) để đập nhỏ tới cỡ hạt 8 mm. Quặng sau đập rotor được băng tải vận chuyển đến cấp vào sàng rung có kích thước lưới d = 10 mm để sàng tách các vẩy mica lớn. Sản phẩm trên sàng là các vẩy mica có dường kính d >10 mm được băng tải chuyển vào bunke chứa, còn sản phẩm dưới sàng được băng tải chuyển vào gầu nâng rồi qua băng tải đổ vào bunke chứa quặng đầu cho khâu nghiền tuyển.

Quặng đầu có kích thước hạt ≤ 8 mm được máy cấp liệu băng tải cấp đều đặn vào máy nghiền bi. Tại đây quặng được nghiền đến độ mịn ~ 70 % cấp – 0,074 mm. Sản phẩm sau nghiền bi được bơm bơm vào xyclon để tách cỡ hạt d = 0,20 mm. Sản phẩm cát xyclon có kích thước hạt > 0,20 mm quay tuần hoàn trở lại máy nghiền bi, còn sản phẩm bùn xyclon ≤ 0,20 mm được bơm bơm vào xyclon để tách bùn mịn < 0,025 mm. Sản phẩm bùn xyclon là sản phẩm fenspat 2 được tự chảy bể cô đặc để tách bớt nước và cô đặc tới nồng độ pha rắn ~ 40 %. Nước tràn bể cô đặc thải ra hồ, còn bùn quặng được bơm piston bơm vào máy lọc đĩa gốm để tách nước đến độ

ẩm đến khoảng 25% để chuyển ra bãi chứa bằng băng tải để khô tự nhiên và chuyển vào kho chờ đi tiêu thụ.

Sản phẩm cát xyclon được tự chảy thùng khuấy tiếp xúc. Tại đây sẽ được cấp H2SO4 để điều chỉnh môi trường và thuốc tập hợp cation armax. Từ thùng khuấy bùn quặng tiếp tục chảy sang thùng khuấy tiếp xúc, sau khi bùn quặng đã khuấy tiếp xúc với thuốc tuyển được tự chảy máy tuyển nổi chính mica.

Quặng tinh tuyển nổi chính mica tự chảy vào máy tuyển nổi tuyển tinh mica lần 1. Quặng đuôi tuyển nổi chính chảy sang máy tuyển nổi tuyển vét mica. Quặng tinh 1 mica chảy vào máy tuyển nổi tuyển tinh mica lần 2. Quặng tinh tuyển tinh 2 mica tự chảy vào hố bơm và được bơm vào máy lọc ép để tách nước đến độ ẩm khoảng 10-15 %, sau đó vận chuyển bằng xe cải tiến hoặc bằng xe tải nhỏ vào kho chứa, để khô tự nhiên chờ đi tiêu thụ.

Quặng tinh tuyển vét mica và quặng đuôi tuyển tinh mica lần 1 được bơm bơm tuần hoàn trở lại khâu tuyển chính. Còn quặng đuôi tuyển tinh 2 được bơm bơm quay lại vào khâu tuyển tinh 1.

Quặng đuôi tuyển vét mica tự chảy vào thùng khuấy tại đây được cấp thuốc FY101, và NaOH bùn quặng được tự chảy máy tuyển nổi để tuyển chính và tuyển vét sắt. Bọt của tuyển sắt tự chảy vào thùng khuấy trước khi chảy ra bãi thải. Sản phẩm ngăn máy tuyển vét được bơm bơm vào xyclon để khử nước. Nước tràn xyclon chảy vào thùng khuấy, tại đây được cấp vôi để sử lý nước trước khi chảy ra hồ thải. Cát xyclon được cấp nước để rửa axit lần 2 và được bơm bơm vào xyclon để khử nước. Nước tràn xyclon cũng được chảy vào thùng khuấy trên. Cát xyclon chuyển vào thùng khuấy, tại đây cấp axit HF để diều chỉnh môi trường và thuốc tập hợp kation Armax, sau đó bùn quặng chảy sang thùng khuấy, tại đây cấp thuốc tạo bọt dầu thông.

Bùn quặng sau khi đã tiếp xúc thuốc tuyển được chảy vào khâu tuyển nổi chính fenspat. Quặng tinh tuyển chính fenspat chuyển vào máy tuyển nổi để tuyển tinh fenspat. Quặng đuôi tuyển chính fenspat chuyển sang máy tuyển nổi để tuyển vét fenspat. Quặng đuôi tuyển tinh 1 và quặng tinh tuyển vét fenspat được máy bơm bơm quay trở lại khâu tuyển chính fenspat.

Quặng đuôi tuyển vét fenspat được chảy vào thùng chứa và máy bơm bơm lên xyclon khử nước. Nước xyclon chuyển vào thùng khuấy sử lý nước thải trước khi thải ra hồ bãi thải. Cát xyclon được cấp nước sạch và bơm bơm lên khử nước lần 2 bằng xyclon. Nước tràn xyclon cũng được chuyển vào thùng khuấy sử lý nước thải trước khi thải ra hồ bãi thải.

Quặng tinh tuyển tinh là sản phẩm fenspat 1 chuyển vào thùng chứa có cánh khuấy chống sa lắng, sau đó được bơm cột bơm vào máy lọc đĩa gốm. Nước thải của lọc ép khung bản cũng được bơm chuyển vào thùng khuấy sử lý nước thải trước khi thải ra hồ bãi thải. Bã lọc đĩa gốm có độ ẩm khoảng 10 % được vận chuyển bằng băng tải vào lò sấy tang quay để sấy khô tới độ ẩm của sản phẩm < 3 %. Sản phẩm sau khi sấy được băng tải chuyển vào gầu nâng để đổ vào bunke chứa và cấp vào máy tuyển từ có cường độ từ trường 20.000 Oest để tách nốt các thành phần chứa sắt và các khoáng vật có từ tính còn sót lại sau khi tuyển nổi. Sau khi tuyển từ, quặng tinh fenspát được chia thành 2 phần: sản phẩm không từ tính là tinh quặng fenspat 1 và sản phẩm có từ là các tạp chất sắt và khoáng vật có từ tính.

Sau khi tuyển từ tinh quặng fenspat 1 được chuyển vào gầu nâng để đổ vào bunke chứa thành phẩm rồi cấp liệu vào máy đóng bao để đóng gói sản phẩm với khối lượng mỗi bao là 40 – 50 kg để chuyển vào kho chứa chờ tiêu thụ

- ***Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ***

Đặc thù đơn vị khai thác và chế biến khoáng sản, các sản phẩm đầu ra được kiểm tra theo các thông số kỹ thuật tiêu chuẩn về chất lượng quy định. Công ty kiểm tra quản lý chất lượng sản phẩm công nghệ được thực hiện và giám sát bởi phòng kỹ thuật công nghệ sản xuất. Định kỳ

phòng KTCN Sản xuất sẽ báo cáo cấp trên theo quy định các đơn vị quản lý theo Tháng – Quý – Năm. Thực hiện công tác kiểm tra, hướng dẫn kỹ thuật, nghiệm thu sản phẩm theo quy định.

- ***Hoạt động Marketing***

Do đặc trưng là Xí nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, là đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Công ty Apatit Việt Nam. Do đó, hoạt động marketing của Xí nghiệp trước cổ phần chưa được chú trọng.

Tuy nhiên, sau khi chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, Công ty sẽ tự chủ về tài chính, nhân lực, công nghệ. Và đặc biệt, với việc nhà máy tuyển Fenspat chính thức đi vào hoạt động và cho ra các sản phẩm công nghệ cao – các sản phẩm phục vụ cho ngành nguyên vật liệu xây dựng và sản xuất gốm xứ, trong khi các sản phẩm này hiện nay hầu hết đề phải nhập khẩu nước ngoài. Theo đó, để tiếp cận các sản phẩm công nghệ cao này đến các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước, Công ty sẽ tập trung chú trọng việc giới thiệu sản phẩm đến khách hàng, bằng cách:

+ Xây dựng Website Công ty một cách khoa học, chuyên nghiệp và dễ tra cứu nhằm truyền tải các sản phẩm của Công ty đến với khách hàng.

+ Xây dựng tiêu chuẩn hệ thống thông tin khách hàng, chuẩn hóa hệ thống quản lý chất lượng, hoàn thiện chính sách tiếp cận, phục vụ khách hàng để không ngừng tạo uy tín của Công ty với khách hàng.

- ***Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền***

Không có.

- ***Các hợp đồng cung ứng sản phẩm dịch vụ đang được thực hiện hoặc đã ký kết***

Bảng số 12: Thống kê các hợp đồng cung ứng sản phẩm dịch vụ đã ký kết năm 2016

TT	Số Hợp đồng	Tên Hợp đồng	Dịch vụ cung cấp	Tổng giá trị HĐ	Thời hạn Hợp đồng	Khách hàng
1	31/2016/HĐMB	Hợp đồng mua bán hàng hóa	Bán quặng Cao lanh men	Theo đặt hàng	Năm 2016	CTCP thương mại và XNK Trang Linh
2	25/2016/HĐMB	Hợp đồng mua bán hàng hóa	Bán quặng Fenspat 1 tuyển	Theo đặt hàng	Năm 2016	Công ty TNHH Việt Đức
3	32/2016/HĐMB	Hợp đồng mua bán hàng hóa	Cao lanh phong hóa	Theo đặt hàng	Năm 2016	Công ty TNHH YFA
4	06-HĐ/CT-CTL	Hợp đồng kinh tế	Fenspat 1 tuyển	Theo đặt hàng	Năm 2016	Công ty CP CATALAN
5	131/2016/HĐMB	Hợp đồng mua bán hàng hóa	Mica dạng bột	Theo đặt hàng	Năm 2016	Công ty CP quen hàn điện Việt Đức
6	11/2016/HĐMB	Hợp đồng mua bán hàng hóa	Cao lanh men + Cao lanh nghiền	Theo đặt hàng	Năm 2016	Công ty TNHH Sứ Đông Lâm
7	08/2016/HĐMB	Hợp đồng mua bán hàng hóa	Cao lanh xương	Theo đặt hàng	Năm 2016	CTCP MIKADO Hưng Yên
8	09/2016/HĐMB	Hợp đồng mua bán hàng hóa	Cao lanh nghiền	Theo đặt hàng	Năm 2016	Công ty TNHH KD và Sản xuất HK Việt Nam
9	16/2016/HĐMB	Hợp đồng mua bán hàng hóa	Cao lanh men	Theo đặt hàng	Năm 2016	CN CTCP Kỹ thương Thiên Hoàng – NM gạch men MIKADO
10	12/2016/HĐMB	Hợp đồng mua bán hàng hóa	Cao lanh men + Cao lanh nghiền	Theo đặt hàng	Năm 2016	Công ty CP gốm sứ Thái Bình

11	20/2016/HĐMB	Hợp đồng mua bán hàng hóa	Cát thạch anh	Theo đặt hàng	Năm 2016	Công ty TNHH MTV thương mại và XNK Mạnh Dương
12	22/2016/HĐMB	Hợp đồng mua bán hàng hóa	Cao lanh xương + Cao lanh phong hóa + Cao lanh nghiền	Theo đặt hàng	Năm 2016	Công ty TNHH Lê Hoàng Phú Thọ

(Nguồn: Xí nghiệp Khai thác Dịch vụ khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ)

10.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

Bảng số 13: Tình hình nợ phải trả tính đến thời điểm 31/12/2015

STT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
A	**Nợ phải trả**	**12.631.774.894**
I	**Nợ ngắn hạn**	**12.631.774.894**
1	Vay nợ ngắn hạn	-
2	Phải trả người bán	6.307.426.475
3	Người mua trả tiền trước	-
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.065.328.939
5	Phải trả người lao động	2.790.792.531
6	Phải trả nội bộ	24.147.470
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	442.001.958
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.077.521
II	**Nợ dài hạn**	**-**
1	Vay và nợ dài hạn	-
	Tổng cộng	**12.631.774.894**

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam)

Bảng số 14: Tình hình trích lập quỹ tính đến thời điểm 31/12/2015

STT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
1	Quỹ đầu tư phát triển	-
2	Quỹ dự phòng tài chính	-
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.077.521
4	Quỹ ổn định thu nhập	-
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam)

Bảng số 15: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp 03 năm trước khi cổ phần hóa

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1. Tổng giá trị tài sản	Tr.đ	31.707	31.785	95.225	88.435
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	Tr.đ	26.973	26.738	84.354	75.804
3. Nợ vay ngắn hạn	Tr.đ	-	-	-	-
Trong đó, nợ quá hạn	Tr.đ	-	-	-	-

4. Nợ vay dài hạn Trong đó, nợ quá hạn	Tr.đ Tr.đ	- -	- -	- -	- -
5. Nợ phải thu khó đòi	Tr.đ	2.670	2.791	2.791	2.791
6. Tổng số lao động	Người	114	100	132	128
7. Tổng quỹ lương	Tr.đ	7.497	7.060	9.069	9.648
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Nghìn đ	5.178	5.367	6.036	6.545
9. Tổng doanh thu	Tr. đ	21.809	23.800	28.441	27.740
10. Tổng chi phí	Tr.đ	22.283	23.793	29.183	39.310
11. Lợi nhuận thực hiện	Tr.đ	(473)	7	(742)	(11.570)
12. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	(473)	7	(742)	(11.570)
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	%	\	0,026	\	\

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam)

10.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

Trong quá trình hoạt động, Xí nghiệp cũng chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan do đó có tác động đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

- ***Thuận lợi:***

- Xí nghiệp là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam nên luôn được Công ty quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, máy móc thiết bị dây chuyền hiện đại.
- Các sản phẩm Xí nghiệp sản xuất ra là cao lanh, hiện đang là nguyên liệu đầu vào của các doanh nghiệp sản xuất .... Và là nguồn nguyên liệu các doanh nghiệp hoàn toàn phải nhập khẩu từ nước ngoài. Vì vậy, với sự ra đời của nhà máy sản xuất cao lanh của Xí nghiệp đã mở ra một cơ hội phát triển mới cho Xí nghiệp
- Nhà máy sản xuất cao lanh của Xí nghiệp là đầu tiên của khu vực Đông Nam Á sản xuất sản phẩm này, đồng thời dây chuyền sản xuất của nhà máy được đầu tư hiện đại, đáp ứng các yêu cầu đặt ra của thị trường về sản phẩm.

- ***Khó khăn:***

- Năm 2015, dù tình hình kinh tế Việt Nam được đã có nhiều tín hiệu khả quan hơn năm 2014 (tốc độ tăng trưởng khoảng 6,2% cao hơn mức 5,98% năm 2014). Tuy nhiên, các công trình xây dựng dân sinh, xã hội vẫn chưa được đẩy mạnh xây dựng khiến sức tiêu thụ vật liệu xây dựng giảm.
- Giá cả nguyên vật liệu như điện, xăng dầu phục vụ vận hành hệ thống sản xuất biến động liên tục;
- Nguồn nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất là các mỏ ... gặp khó khăn trong vấn đề xin cấp phép khai thác.
- Hệ thống phân phối sản phẩm của Xí nghiệp còn bó hẹp ở một vài tỉnh phía Bắc.
- Sản xuất kinh doanh của Xưởng ổn định và có lãi, tuy nhiên, hệ thống thiết bị chưa đồng bộ.
- Dây chuyền sản xuất của Nhà máy cao lanh cần đầu tư thêm để hoàn thiện và cho ra các sản phẩm đạt chuẩn theo yêu cầu của bên mua. Khả năng làm chủ công nghệ chưa cao dẫn đến khối lượng lao động sử dụng lớn.

- Nguồn nhân lực lao động và nhân lực cao cấp để vận hành dây chuyền tuyển Fenspat bị thiếu hụt trầm trọng, Xí nghiệp đã thực hiện kế hoạch hợp tác với các trung tâm việc làm đào tạo, tuyển dụng lao động. Tuy nhiên, tới nay tình trạng thiếu hụt lao động vẫn chưa được giải quyết.

Phí cấp quyền khai thác tài liệu cao dẫn đến giá thành sản phẩm cao khó tiêu thụ sản phẩm

11. Vị thế của Xí nghiệp so với các doanh nghiệp khác trong ngành

- ***Vị thế của Xí nghiệp***

Xí nghiệp là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam nên luôn được Công ty quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, máy móc thiết bị dây chuyền hiện đại cho hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Xí nghiệp.

Hiện nay, Xí nghiệp đang quản lý, khai thác, chế biến quặng Cao lanh, Fenspat tại Mỏ Ngọt – Xã Sơn Thủy-Huyện Thanh Thuỷ – Tỉnh Phú Thọ, khu mỏ có tổng trữ lượng trên 1 triệu tấn và được Nhà nước chấp thuận về mặt chủ trương cấp phép thăm dò mở của chủ thân quặng mới (thân quặng 614) với tổng trữ lượng 1,2 triệu tấn.

Với hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ khai thác cũng như dây truyền chế biến đồng bộ, hệ thống kho tàng đảm bảo, hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ nên chất lượng sản phẩm của Xí nghiệp mang tính ổn định cao.

Năm 2014, Xí nghiệp đã được đầu tư Nhà máy tuyển nổi quặng Fenspat công suất 60.000 tấn/năm. Nhà máy đã chạy thử thành công, cho ra các sản phẩm chất lượng cao như fenspat, thạch anh, mica - tương đương các sản phẩm hiện nay các đơn vị sử dụng đang phải nhập khẩu. Đây là nhà máy tuyển nổi fenspat có công nghệ tiên tiến, hiện đại đầu tiên của Việt nam cũng như trong khu vực. Các mặt hàng của Xí nghiệp sản xuất được các bạn hàng đánh giá cao về tính ổn định về chất lượng, khối lượng cũng như thời gian giao hàng. Nhà máy tuyển nổi quặng Fenspat là Nhà mát đầu tiên của khu vực Đông Nam Á sản xuất sản phẩm này, đồng thời dây chuyền sản xuất của nhà máy được đầu tư hiện đại, đáp ứng các yêu cầu đặt ra của thị trường về chất lượng sản phẩm.

- Ngoài ra, trữ lượng mỏ Xí nghiệp đang khai thác khoảng 1 triệu tấn có thể khai thác trong vòng mười (10) năm theo cấp phép Nhà nước.

- ***Triển vọng phát triển ngành***

Fenspat được sử dụng trong sản xuất các sản phẩm thủy trong gốm và các sản phẩm khác. Fenspat là một thành phần quan trọng trong sản xuất thủy tinh. Các nguyên liệu cho kính bao gồm cát silica, tro soda (natri cacbonat) và đá vôi (canxi cacbonat). Ba mươi phần trăm (30%) của fenspat sản xuất được sử dụng cho sản xuất gốm sứ, đặc biệt là trong da dụng và chìm. Trong chế tạo các vật liệu gốm sứ, fenspat phục vụ như là một thông lượng để hình thành một giai đoạn thủy tinh ở nhiệt độ thấp, và như là một nguồn Alkalies và nhôm trong lớp tráng men. Nó cải thiện sức mạnh, độ dẻo dai, độ bền của cơ thể gốm sứ và xi măng pha tinh thể của các thành phần khác. Fenspat cũng được sử dụng trong sơn, mài mòn nhẹ, urethane, bọt cao su, và như một lớp phủ que hàn.

Cao lanh là loại khoáng sản quan trọng và có nhiều ứng dụng trong các lĩnh vực công nghiệp khác nhau, nhất là công nghiệp gốm sứ.

Hiện nay, theo quy hoạch, phát triển ngành Gốm sứ-Thủy tinh trên cơ sở phát huy lợi thế và tiềm năng sẵn có, lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh làm nguồn lực chủ yếu để đầu tư phát triển ngành; khuyến khích việc đổi mới thiết bị và cải tiến công nghệ, từng bước tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội và xuất khẩu. Phát triển ngành Gốm sứ-Thủy tinh công nghiệp phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội và công nghiệp của cả nước, phù hợp với quy hoạch phát triển một số chuyên ngành công nghiệp, đồng thời gắn với quá trình hội nhập kinh tế khu vực. Xây dựng ngành Gốm sứ-Thủy tinh công nghiệp Việt Nam trở thành

một ngành kinh tế quan trọng, có nhiều sản phẩm chất lượng cao; đa dạng về chủng loại, mẫu mã; có khả năng cạnh tranh trên thị trường, đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội và xuất khẩu.Phát triển ngành Gốm sứ-Thủy tinh công nghiệp theo hướng hiện đại, đồng bộ từ sản xuất nguyên liệu đến thành phẩm, nâng dần tỷ trọng sử dụng nguyên liệu trong nước.

Với hoạt động sản xuất chế biến sản phẩm chất lượng cao Cao lanh, Fenspat, mica .. là nguồn đầu vào chính cho việc sản xuất sản phẩm Gốm sứ - Thủy tinh – ngành kinh tế quan trọng, có nhiều sản phẩm chất lượng cao; đa dạng về chủng loại, mẫu mã; có khả năng cạnh tranh trên thị trường, đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội và xuất khẩu. Theo đó, ngành sản xuất chế biến Fenspat, cao lanh ... của Xí nghiệp có tiềm năng phát triển lớn.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Xí nghiệp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Theo Chiến lược phát triển khoáng sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22/12/2011 thì Khoáng sản VN là tài nguyên không tái tạo, có trữ lượng hạn chế, vì vậy, phải được điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ tốt môi trường sinh thái, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh quốc phòng tại các địa bàn có khoáng sản. Đồng thời, Xây dựng và phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản với công nghệ hiện đại, phù hợp điều kiện của Việt Nam, nâng cao hệ số thu hồi khoáng sản và mức độ chế biến sâu khoáng sản. Trong đó, có đẩy mạnh thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản:

+ Khoáng sản làm nguyên liệu xi măng: Thăm dò, khai thác các mỏ phục vụ các dự án xi măng trong quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng đã phê duyệt. Không khai thác đá vôi tại khu vực sườn núi dọc theo hai bên đường quốc lộ để bảo vệ cảnh quan.

+ Khoáng sản làm nguyên liệu gốm sứ - thủy tinh: Thăm dò, khai thác các khu vực kaolinh, felspat tại Tuyên Quang, Yên Bái, Phú Thọ, Lào Cai, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Bình Dương, Bình Phước, Kon Tum phục vụ nguyên liệu dự án sản xuất gạch men, gốm sứ. Thăm dò, khai thác các mỏ cát trắng tại Quảng Ninh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Khánh Hòa phục vụ nguyên liệu cho dự án chế biến thủy tinh, khuôn đúc, men frit, gạch không nung.

+ Quặng apatit: Hoàn thành thăm dò mở rộng, thăm dò bổ sung đối với các diện tích đã điều tra. Nghiên cứu công nghệ sử dụng quặng loại 2, để đầu tư các dự án chế biến. Việc cấp phép khai thác mỏ phải gắn với các dự án chế biến, sản xuất phân lân, DAP, sản xuất photpho, phân lân nung chảy; không xuất khẩu quặng apatit. Cân đối nhu cầu sử dụng trong nước để điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

Xí nghiệp xây dựng mục tiêu, chiến lược cụ thể gồm cải tiến hệ thống tổ chức, quản lý, đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát huy nội lực sẵn có về bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác khoáng sản.

Những chính sách quan tâm kịp thời và phù hợp của Nhà nước đối với ngành cùng với tiềm năng phát triển của xã hội sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các đơn vị hoạt động trong ngành nói chung và Xí nghiệp nói riêng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của XN gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức

quản lý, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai.

- Huy động vốn nhàn rỗi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các nhà đầu tư trong và ngoài nước để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định.
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

2. Điều kiện cổ phần hóa

- Xí nghiệp luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam, là điều kiện thuận lợi cho Xí nghiệp trong việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá.
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Apatit Việt Nam đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho cán bộ công nhân viên được thực hiện chu đáo.
- Toàn thể cán bộ công nhân viên của Xí nghiệp từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần.
- Sản phẩm thu được từ dây chuyền mới sẽ thay thế được các nguyên liệu đang phải nhập khẩu.
- Trữ lượng mỏ đang khai thác khoảng 1 triệu tấn có thể khai thác trong vòng 10 năm.
- Nhà Nước chấp thuận về mặt chủ trương cấp phép thăm dò mở của chủ thân quặng mới (thân quặng 614) với tổng trữ lượng 1,2 triệu tấn

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần là **"Bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp"**.

4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần

- ***Vốn điều lệ Công ty cổ phần***

Giá trị thực tế Doanh nghiệp tại thời điểm 01/01/2015 là **99.730.955.243 đồng**

Trong đó:

- Nợ thực tế phải trả là: **10.871.328.762 đồng**
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước là: **88.859.626.481 đồng**

(Bằng chữ: Tám mươi tám tỷ tám trăm năm mươi chín triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi mốt đồng)

Căn cứ:

- Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp sau khi cổ phần hóa
- Năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Bộ máy quản lý của Xí nghiệp sau cổ phần hóa
- Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác.

Xí nghiệp xây dựng cơ cấu vốn điều lệ như sau:

- Vốn điều lệ Công ty cổ phần: **88.859.620.000 đồng** *(Bằng chữ: Tám mươi tám tỷ tám trăm năm mươi chín triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng)*
- Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng/cổ phần**
- Tổng số cổ phần phổ thông: **8.885.962 cổ phần**

❖ **Giá trị phần vốn Nhà nước bán bớt:**

Số vốn nhà nước cần bán bớt được xác định bằng (=) Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp làm trong trừ đi (–) Giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần tương ứng 49% vốn điều lệ.

- Giá trị vốn Nhà nước cần bán bớt ***45.318.400.000 đồng*** tương đương ***4.531.840 cổ phần***

(88.859.620.000 đồng - 43.541.220.000 đồng = ***45.318.400.000*** *đồng)*

Cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần

Xí nghiệp đề xuất xây dựng phương án Nhà nước nắm giữ cổ phần ở mức **49% vốn điều lệ** tương ứng với số lượng cổ phần Nhà nước nắm giữ là **4.354.122 cổ phần** tương đương **43.541.220.000 đồng** tính theo mệnh giá. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông như sau:

Bảng số 16: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

STT	Cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	4.354.122	43.541.220.000	49,00%
2	Cổ đông CBCNV mua ưu đãi	132.300	1.323.000.000	1,49%
2.1	*Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước*	132.300	1.323.000.000	1,49%
2.2	*Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần*	-	-	0,00%
3	Nhà đầu tư chiến lược	-	-	0,00%
4	Bán cho Công đoàn	-	-	0,00%
5	Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài	4.399.540	43.995.400.000	49,51%
	Tổng cộng	**8.885.962**	**88.859.620.000**	**100,00%**

5. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN – HÓA CHẤT PHÚ THỌ**

Tên viết tắt bằng tiếng Việt : **CÔNG TY KHOÁNG SẢN – HÓA CHẤT PHÚ THỌ**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài : Phu Tho Minerals – Chemicals Joint stock Company

Trụ sở chính : Xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

Điện thoại : (0210) 3873 239

Fax : (0210) 3873 314

Email : khoangsanphutho@gmail.com

6. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

Sau khi cổ phần hoá, chiến lược kinh doanh của Xí nghiệp là tiếp tục duy trì và phát triển có hiệu quả các ngành nghề truyền thống có thế mạnh của Xí nghiệp trong lĩnh vực Khai thác, chế biến khoáng sản... đồng thời phát triển và khai thác một số ngành nghề có liên quan đến ngành nghề chính. Cụ thể ngành nghề kinh doanh dự kiến của Xí nghiệp sau cổ phần hóa như sau:

Bảng số 17: Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành

1	Khai thác, chế biến khoáng sản (Chi tiết: Tìm kiếm, khảo sát, thăm dò, khai thác, tuyển, chế biến quặng Cao lanh, Fenspat và các khoáng sản khác)	0899 (chính)
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
3	Vận tải hàng hóa đường bộ	4399
4	Bảo dưỡng Sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sửa chữa các loại máy móc thiết bị cơ giới, thiết bị vận tải ô tô, thiết bị khai thác, thiết bị điện, sửa chữa các loại trục, pa lăng có sức nâng 100 tấn, chế tạo các sản phẩm cơ khí phụ tùng vật tư	4520
5	Sản xuất hóa chất cơ bản	2011
6	Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, hàng hóa	

❖ **Ngành, nghề kinh doanh chính**

Sau cổ phần hóa, Công ty hoạt động tập trung trong ngành nghề sau:

- Tìm kiếm, khảo sát, thăm dò, khai thác, tuyển, chế biến quặng Cao lanh, Fenspat và các khoáng sản khác.

7. Cơ cấu tổ chức và quản lý Xí nghiệp sau cổ phần hóa

Sơ đồ số 2: Cơ cấu tổ chức công ty cổ phần

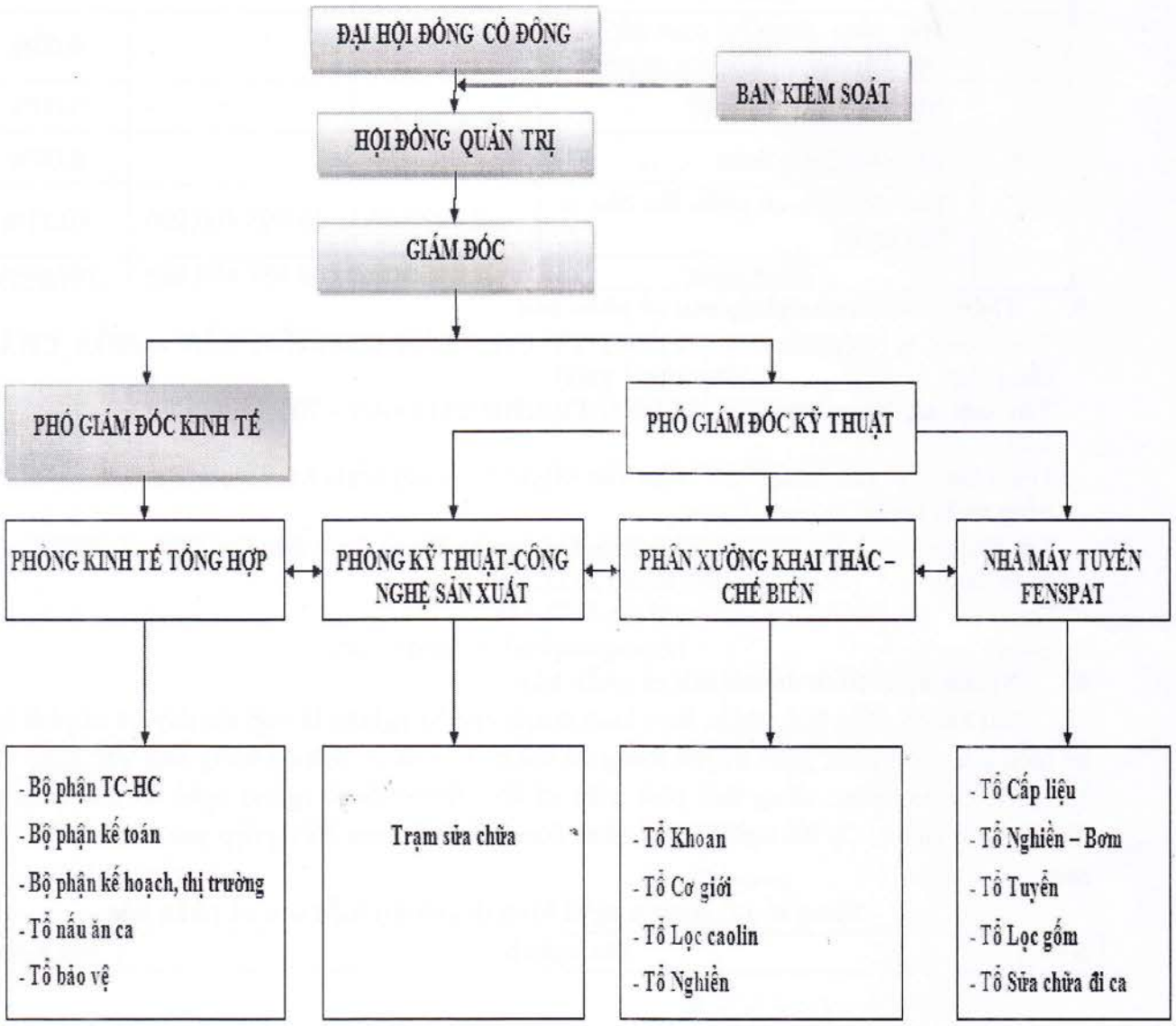

Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban sau cổ phần hóa:

- **Đại Hội đồng Cổ đông:** là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** do ĐHĐCĐ bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành.
- **Ban Kiểm soát:** do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiệncác nhiệm vụ được giao.
- **Ban Giám đốc *(gồm: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc).***

+ Giám đốc: chịu trách nhiệm điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, phù hợp với Điều lệ của Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

+ Phó Giám đốc gồm: Phó Giám đốc Kinh tế và Phó Giám đốc Kỹ thuật: Hỗ trợ Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động Công ty.

- **Các phòng ban, phân xưởng:**

+ Phòng Kinh tế Tổng hợp: bao gồm: Bộ phận TC-HC; Bộ phận Kế toán; Bộ phận Kế hoạch, thị trường; Tổ nấu ăn ca; Tổ bảo vệ.

+ Phòng Kỹ thuật – Công nghệ sản xuất: gồm Trạm Sửa chữa.

+ Phân xưởng Khai thác – Chế biến: gồm: Tổ Khoan; Tổ Cơ giới; Tổ lọc Caolin; Tổ Nghiền; Tổ lao động.

+ Nhà máy tuyển Fenspat: gồm: Tổ Cấp liệu; Tổ nghiền – bơm; Tổ tuyển; Tổ lọc gấm; Tổ sửa chữa đi ca; Tổ thu hồi sản phẩm.

III. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA XÍ NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu và tầm nhìn chiến lược phát triển Xí nghiệp

- **Mục tiêu của Công ty**

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được nêu trong Nghị định số 59/2011/NĐ - CP ngày 18/07/2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Xí nghiệp - đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu, tạo sự thay đổi căn bản về phương thực quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, tăng cường năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty trong thời điểm hiện tại và tương lai;
- Huy động vốn nhàn rỗi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân và tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai;
- Nâng cao vai trò làm chủ thực sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và bảo đảm hài hòa quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

- ***Về sản phẩm***

Khai thác, sản xuất và tiêu thụ trong nước các sản phẩm Fenspat, thạch anh, mica chất lượng cao, cao lanh các loại.

- ***Về sản lượng***

Tăng sản lượng Fenspat, thạch anh, mica, cao lanh men thêm 5%/năm trở lên

- ***Về thị trường***

Duy trì thị trường hiện có, tiếp cận các doanh nghiệp lớn như các doanh nghiệp sản xuất gốm sứ, VLXD, Frit,…; đồng thời tích cực tìm kiếm các thị trường nhỏ tiềm năng với mục đích giới thiệu sản phẩm của Xí nghiệp đặc biệt là các sản phẩm của Nhà máy tuyển nổi Fenspat tới thị trường trong nước.

- ***Giải pháp về vốn***

Huy động vốn từ các Nhà đầu tư chiến lược và vay vốn từ công ty mẹ (kết hợp vay vốn Ngân hàng)…

- ***Giải pháp về nguyên liệu***

Tăng cường phối với với Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam và các Ban, ngành hoàn tất giấy phép khai thác mỏ tại thân quặng 614 khu vực Mỏ Ngọt, xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- ***Về tổ chức, lao động, tiền lương***

Tổ chức sản xuất 3 ca, huy động các dây chuyền hợp lý để đáp ứng sản phẩm phục vụ khách hàng. Tiền lương trả theo hình thức khoán theo sản phẩm, chất lượng sản phẩm, doanh thu bán hàng, có cơ chế khuyến khích tăng năng suất lao động, hiệu quả.

- ***Về Đầu tư phát triển:***

Triển khai nghiên cứu, lập dự án sản xuất các sản phẩm mới phù hợp với khả năng bán và kinh nghiệm của Công ty để đặt mục tiêu tăng trưởng sản xuất kinh doanh.

- ***Về hoạt động tài chính:***

Cơ cấu lại các chỉ tiêu tài chính nhằm giảm thiểu chi phí và tối đa hóa lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh.

Nâng cao vòng quay vốn trong kinh doanh, giảm các khoản nợ của khách hàng. Sử dụng triệt để lợi thế về nguồn lực tài chính.

- ***Về tổ chức bộ máy và chính sách dành cho CBCNV:***

Ổn định tổ chức quản lý theo mô hình Công ty cổ phần, xây dựng các Quy chế quản trị mới theo mô hình Công ty cổ phần.

Quy hoạch, điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty.Kiện toàn bộ máy hoạt động theo hướng tinh gọn cùng với việc đào tạo, nâng cao trình độ cho toàn thể CBCNV. Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực trẻ, khỏe, có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cao, năng động sáng tạo, tận tâm với công việc để từng bước kế thừa và tiếp thu kinh nghiệm từ đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm.

Cải tiến chế độ tiền lương, tiền thưởng nhằm khuyến khích người lao động làm việc, tăng hiệu suất và chất lượng công việc, thu hút chất xám cho Công ty.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm cá nhân, hiệu quả công việc, khuyến khích tinh thần chủ động và sáng tạo của mỗi cá nhân trong Công ty. Tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh an toàn lao động, đảm bảo sản xuất an toàn trong sản xuất

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và các năm trước cũng như tình hình kinh tế trong nước và thế giới hiện nay, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa (giai đoạn 2016-2018) với các chỉ tiêu như sau:

Bảng số 18: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2016-2018

TT	Khoản mục	ĐVT	Năm 2016	Năm2017	Năm 2018
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	88.859,62	88.859,62	88.859,62
2	Tổng số lao động (*)	Người	160	170	180
3	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	11.272	12.632	14.206
4	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr. đồng	5,871	6,192	6,577
5	Tổng doanh thu	Tr. đồng	54.450,50	65.343,50	77.190,50
6	Tổng chi phí	Tr. đồng	57.068,51	64.729,62	75.092,18
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	(2.618,01)	613,88	2.098,32
8	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	(2.618,01)	613,88	2.079,482
9	Tỷ suất LNTT/Doanh thu	%	\	0,94	2,72
10	Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ	%	\	0,69	2,36
11	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	%	\	0,69	2,34
12	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	-	-	-

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Xí nghiệp)

Phần lỗ thực tế năm 2015 theo báo cáo của Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam là 11.570 triệu đồng và phần lỗ (nếu có) năm 2016 tính đến thời điểm Xí nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần sẽ được xem xét, xử lý theo quy định của Nhà nước.

(*) Hiện tại, lao động của Xí nghiệp là 116 người, các lao động này đều là lao động ký hợp đồng dài hạn với Xí nghiệp. Tuy nhiên, với lực lượng lao động này không đủ cho hoạt động Xí nghiệp, hàng năm, Xí nghiệp ký thêm các Hợp đồng lao động mùa vụ với trung bình 50 người lao động/năm để hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Xí nghiệp. Sau cổ phần hóa, khi Nhà máy tuyển Fenspat đi vào hoạt động, lao động định biên để duy trì hoạt động nhà máy là 100 người. Lao động gián tiếp là 40 người và 40 người phục vụ hoạt động khai thác, chế biến sản phẩm truyền thống của Xí nghiệp và phục vụ nhà máy tuyển Fenspat. Đồng thời, với kế

hoạch năm 2017; 2018 nâng công suất nhà máy lên 65%-75% và phấn đấu năm 2019 khai thác 100% công suất nhà máy tuyển Fenspat, thì nhu cầu lao động để đáp ứng hiệu quả hoạt động tối đa của Nhà máy càng tăng, Xí nghiệp dự kiến nhu cầu về lao động để duy trì và hoạt động một cách có hiệu quả với dây chuyền mới là khoảng 160-180 lao động, tức là gấp 1,5 lần số lao động hiện tại trước cổ phần hóa.

- ***Đánh giá ảnh hưởng của việc đưa Dự án tuyển quặng Fenspat vào hoạt động:***

Năm 2014, Xí nghiệp đã được đầu tư Nhà máy tuyển nổi quặng Fenspat công suất 60.000 tấn/năm. Nhà máy sẽ cho ra các sản phẩm chất lượng cao như fenspat, thạch anh, mica - tương đương. Các sản phẩm này hiện đang là nguyên liệu đầu vào của các doanh nghiệp sản xuất gốm sứ và vật liệu xây dựng. Các sản phẩm của Nhà máy tuyển Fenspat Mỏ ngọt-Phú Thọ như: fenspat chất lượng cao, thạch anh chất lượng cao hiện nay Việt Nam chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài. Vì vậy, với sự ra đời của nhà máy tuyển Fenspat Mỏ ngọt – Phú Thọ của Xí nghiệp đã mở ra một cơ hội phát triển mới cho Xí nghiệp. Nhà máy tuyển Fenspat của Xí nghiệp là nhà máy đầu tiên của khu vực Đông Nam Á sản xuất sản phẩm này, đồng thời dây chuyền sản xuất của nhà máy được đầu tư hiện đại, đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường về sản phẩm chất lượng cao mà hiện nay Việt nam đang chủ yếu phải nhập khẩu, tạo ra doanh thu và hiệu quả SXKD chủ yếu cho Công ty cổ phần sau này.

Năm 2015, nhà máy tuyển Fenspat mới đi vào sản xuất, hoàn chỉnh hệ thống thiết bị, công nghệ, các sản phẩm của nhà máy mới tiếp cận thị trường nên công suất hoạt động của nhà máy mới đạt 20% so với thiết kế. Sản phẩm mới được khách hàng nghiên cứu, thử nghiệm và đánh giá hiệu quả nên sản lượng tiêu thụ còn thấp, doanh thu chưa cao.

Từ năm 2016 trở đi nhà máy tiếp tục tăng công suất lên 65, 75% so với thiết kế và phấn đấu đến năm 2019 sẽ đạt 100% công suất thiết kế. Khi đó Nhà máy tuyển Fenspat sẽ tao ra doanh thu và hiệu quả SXKD trong tương lai.

3. Biện pháp thực hiện

- **Về tổ chức, quản lý**

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình Công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành của Nhà nước đối với Công ty cổ phần.

Rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợpvới mô hình mới theo hướng tinh gọn; Hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, sắp xếp lại và chuyển lực lượng gián tiếp dư thừa sang lực lượng trực tiếp tham gia sản suất kinh doanh; Tuyển nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp theo ngành nghề Công ty đã, đang và sẽ hoạt động, đặc biệt trẻ hóa lực lượng lao động có kết hợp với một số cán bộ, nhân viên có trình độ, có năng lực công tác, kinh nghiệm làm việc.

Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và ngược lại có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt kế hoạch được giao.

Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV. Chính sách lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBCNV phát huy sáng tạo trong công việc. Thường xuyên tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao

đáp ứng nhu cầu tinh thần của CBCNV trong Công ty, thực hiện đúng cam kết trong Thỏa ước lao động tập thể.

Thực hiện quản lý, kiểm soát mọi hoạt động của Công ty tập trung về bộ máy điều hành. Xây dựng mô hình quản lý, điều hành điện tử (sử dụng mạng nội bộ và liên hệ qua mạng điện tử). Khai thác triệt để mạng internet, sử dụng email để liên lạc, giao tiếp. Thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, ứng dụng thương mại điện tử vào kinh doanh.

Ứng dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin, đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý như: nhân sự, tiền lương, quản lý dự án, quản lý công nợ, quản lý vật tư thiết bị, kế toán.

- **Giải pháp giảm chi phí:**

Đẩy mạnh phong trào tiết kiệm, chống lãng phí. Tiết kiệm tối đa chi phí nhằm tăng lợi nhuận:Xây dựng và hoàn thiện các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, lao động, các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp.

Tiết kiệm trong chi tiêu hành chính, đảm bảo chi đúng tiêu chuẩn, đúng định mức,đúng mục đích. Giảm tối đa chi phí hội họp, đi công tác trong và ngoài nước, chi phí tiếp khách, mua sắm trang thiết bị văn phòng, quảng cáo, điện, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu... góp phần giảm chi phí sản xuất. Khuyến khích CBCNV thực hiện tốt Quy định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tổ chức hạch toán phù hợp nhằm xây dựng các dữ liệu thống kê các chỉ tiêu kinh tế tài chính và cân đối đồng bộ thu chi nhằm phát huy tối đa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

I. PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO từ năm 2007, nền kinh tế Việt Nam đã có những bước tăng trưởng tích cực nhờ các chính sách kinh tế thế giới và việc mở rộng giao lưu và hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh thuận lợi do ký kết các hiệp định thương mại thì việc cạnh tranh ngày càng tăng cao, các doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam gia tăng, gây khó khăn thách thức với các doanh nghiệp trong nước.

Trong năm 2015, kinh tế vĩ mô của Việt Nam ngày càng ổn định và lấy lại được đà tăng trưởng khá cao. Năm 2015, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 6,68% so với năm 2014; cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và mức tăng trưởng này cao nhất trong giai đoạn 2011-2015. Năm 2015, CPI bình quân tăng 0.63% so với bình quân năm 2014, mức tăng thấp nhất trong 14 năm trở lại đây, chủ yếu là do yếu tố giảm giá của thế giới, tác động vào Việt Nam và cũng kiến tạo nên sự ổn định đối với tổng cầu của nền kinh tế. Theo Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu của WB công bố tháng 01-2016 dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2016 ở mức 2,9%. Kinh tế thế giới năm 2016 được dự đoán là có phục hồi nhưng không vững chắc, chủ yếu là do thương mại toàn cầu suy giảm; khả năng biến động thị trường tài chính do các nước tiếp tục phá giá đồng tiền và lãi suất ở các nền kinh tế chủ đạo tăng ở các mốc thời gian không dự đoán được; giá dầu thấp gây áp lực đến cân đối tài chính ở các nước sản xuất dầu; nguy cơ suy thoái hoặc giảm phát kéo dài ở các nền kinh tế châu Âu, Nhật Bản; các thị trường mới nổi đang gặp nhiều thách thức do các nguyên nhân chính trị, kinh tế, tài chính tiền tệ chi phối. Khả năng phát triển kinh tế tiếp tục bị kìm hãm bởi những yếu tố, như năng suất thấp, dân số ngày càng già hóa và những ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

2. Rủi ro pháp lý

Hệ thống luật pháp Việt Nam hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, việc vận dụng pháp luật vào thực tế hoạt động kinh doanh còn khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán; thêm vào đó vẫn còn tồn tại nhiều quy định phức tạp, chồng chéo nhau trong vấn đề đất đai nói riêng và hệ thống văn bản pháp quy nói chung. Hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng, Luật đất đai,... Theo dự kiến, các sắc luật này vẫn cần có sự sửa đổi cho phù hợp hơn, chặt chẽ hơn trong thời gian tới, do đó cũng phần nào tác động hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp sau cổ phần hóa.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro ô nhiễm môi trường

Đặc thù của ngành khai thác, chế biến có khả năng gây ô nhiễm môi trường cao. Giảm thiểu các tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường phải được Công ty chú trọng, đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn của Nhà nước. Xí Nghiệp sẽ cải tiến kỹ thuật, chế độ vận hành thiết bị, dây chuyền nhằm tăng năng suất và hạn chế, giảm bớt các thành phần độc hại trong chất thải.

Rủi ro giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào

Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất nên biến động của giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn hàng bán vàảnh hưởng đến khả năng tạo lợi nhuận của Xí nghiệp.

Thị trường đầu ra

Mặc dù nhu cầu của thị trường trong nước còn rất tiềm năng, nhưng sự cạnh tranh cũng rất lớn đến từ sản của các Công ty sản xuất truyền thống trong nước và sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài, đặc biệt là từ Trung Quốc.

Xí nghiệp tìm cách giảm thiểu rủi ro này thông qua việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa hệ thống khách hàng, xây dựng quan hệ bạn hàng bền vững và không ngừng vươn ra các thị trường mới.

Rủi ro tài chính

Xí nghiệp thường xuyên phải huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để đảm bảo cho nhu cầu vốn lưu động và nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong trường hợp lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí hoạt động, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp. Xí nghiệp từng bước giảm thiểu rủi ro này thông qua các biện pháp nhằm giảm nhu cầu vốn lưu động, tăng vòng quay tiền tệ, tối ưu tỷ lệ tồn kho, cân đối hoạt động sản xuất và tiêu thụ....

4. Rủi ro của đợt chào bán

Trong giai đoạn 2014-2015, tiếp tục năm 2016. Thủ tướng Chính phủ đang đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nên nguồn cung cổ phiếu tăng mạnh. Chính điều này đã tạo nên áp lực thị trường khó hấp thụ được hết số cổ phần chào bán. Mặt khác, quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phàn mà mối quan hệ cung

cầu này lại phụ thuộc vào yếu tố mang tính kinh tế và tâm lý của nhà đầu tư. Vì vậy, Xí nghiệp chịu áp lực rủi ro đợt chào bán không phân phối hết số cổ phần chào bán.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, địch họa,...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Xí nghiệp sau cổ phần hóa.

II. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Đối tượng mua cổ phần

Nhà đầu tư trong nước, nước ngoài theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, bao gồm các tổ chức, cá nhân (kể cả người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa).

2. Cổ phần Nhà nước nắm giữ

Số cổ phần Nhà nước nắm giữ sau cổ phần hóa là **4.354.122 cổ phần**, chiếm **49% vốn điều lệ** Công ty cổ phần.

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo Điều 40 Nghị định 59/2011/NĐ-CP như sau: Ban Chỉ đạo cổ phần hóa được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban Chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần sau khi công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh. Các nhà đầu tư từ chối mua cổ phần sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc khi tham dự đấu giá tăng vốn Nhà nước theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Thông tư 196/2011/TT-BTC và sẽ được trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bán tiếp vào thời điểm thích hợp sau khi Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

3. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

- ***Cổ phần người lao động mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước***

Theo quy định tại Khoản 1, điều 48, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Xí nghiệp cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là *"giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất trong đợt bán đấu giá công khai"*.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ – CP của Chính phủ ngày 18 tháng 07 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần:"*Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước*". Phương án mua cổ phần ưu đãi đối với lao động có tên trong

danh sách lao động thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước của Xí nghiệp như sau:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động của Xí nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (26/4/2016) là: 116 người;
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước là: 103 người.
- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước là: 1.323 năm.

Theo đó, tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là **132.300 cổ phần**, giá trị cổ phần CBCNV được mua tính theo mệnh giá là **1.323.000.000 đồng** chiếm **1,49%** vốn điều lệ Công ty cổ phần.

- Giá mua: 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài.

Cổ phần người lao động mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần với mức giá bằng giá đấu giá thành công thấp nhất.

Theo quy định tại Khoản 2c, Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là "*Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm được xác định là giá đấu thành công thấp nhất trong đợt bán đấu giá công khai*".

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ – CP của Chính phủ ngày 18 tháng 07 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần:

" - *Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau:*

- *Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.*
- *Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa."*

Lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phần ưu đãi theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

- Số lao động mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần là: 00 người;
- Tổng số cổ phần người lao động cam kết mua là: 00 cổ phần

cầu này lại phụ thuộc vào yếu tố mang tính kinh tế và tâm lý của nhà đầu tư. Vì vậy, Xí nghiệp chịu áp lực rủi ro đợt chào bán không phân phối hết số cổ phần chào bán.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, địch họa,...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Xí nghiệp sau cổ phần hóa.

II. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Đối tượng mua cổ phần

Nhà đầu tư trong nước, nước ngoài theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, bao gồm các tổ chức, cá nhân (kể cả người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa).

2. Cổ phần Nhà nước nắm giữ

Số cổ phần Nhà nước nắm giữ sau cổ phần hóa là **4.354.122 cổ phần**, chiếm **49% vốn điều lệ** Công ty cổ phần.

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo Điều 40 Nghị định 59/2011/NĐ-CP như sau: Ban Chỉ đạo cổ phần hóa được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban Chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần sau khi công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh. Các nhà đầu tư từ chối mua cổ phần sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc khi tham dự đấu giá tăng vốn Nhà nước theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Thông tư 196/2011/TT-BTC và sẽ được trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bán tiếp vào thời điểm thích hợp sau khi Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

3. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

- ***Cổ phần người lao động mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước***

Theo quy định tại Khoản 1, điều 48, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Xí nghiệp cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là *"giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất trong đợt bán đấu giá công khai"*.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ – CP của Chính phủ ngày 18 tháng 07 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần:*"Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước*". Phương án mua cổ phần ưu đãi đối với lao động có tên trong

Như vậy, tổng số cổ phần bán ưu đãi cho người lao động là **132.300 cổ phần** tương ứng với **1.323.000.000** đồng tính theo mệnh giá, chiếm **1,49%** vốn điều lệ Công ty cổ phần.

4. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Tổ chức bán đấu giá **4.399.540** cổ phần với tổng giá trị cổ phần tính theo mệnh giá là **43.995.400.000 đồng**, chiếm **49,51%** vốn điều lệ công ty cổ phần cho các Nhà đầu tư thông qua Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Giá khởi điểm: **10.000 đồng/cổ phần** (*Bằng chữ: Mười nghìn đồng một cổ phần*)
- Địa điểm tổ chức bán đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội – Số 2 đường Phan Chu Chinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần.

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Khai thác Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ tối đa 100% vốn điều lệ. Nhà đầu tư nước ngoài được tham gia mua cổ phần đấu giá trong đợt đấu giá bán cổ phần lần đầu, với số lượng cổ phần được đăng ký mua tối đa là 4.399.540 cổ phần.

- Thời gian và địa điểm nộp đơn và tiền đặt cọc: Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Xí nghiệp Khai thác-Dịch vụ Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ.

5. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

Các cổ đông mua cổ phần thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định:

- Nhà đầu tư tham gia đấu giá: Theo quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Xí nghiệp Khai thác-Dịch vụ Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ.
- Người lao động: thanh toán tiền mua cổ phần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tại Xí nghiệp Khai thác-Dịch vụ Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại mục III , Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Xí nghiệp Khai thác-Dịch vụ Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá khởi điểm 10.000 đồng và giá đấu thành công thấp nhất là 10.000 đồng/ cổ phần, chi tiết cụ thể như sau:

Bảng số 19: Kế hoạch sử dụng tiền từ cổ phần hóa

TT	Khoản mục	Chú thích	Số cổ phần	Giá bán	Số tiền (đồng)
1	**Vốn điều lệ Công ty cổ phần**	**(a)**	**8.885.962**		**88.859.620.000**
2	**Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại**	**(b)**			**88.859.626.481**
3	**Tiền thu từ cổ phần hoá**	**(c)=(d)+(e)+(f)+(g)**			**44.789.200.000**
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV	**(d)=(d1)+(d2)**	132.300		793.800.000

TT	Khoản mục	Chú thích	Số cổ phần	Giá bán	Số tiền (đồng)
	+ Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước	*(d1)*	*132.300*	*6.000*	*793.800.000*
	+ Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	*(d2)*	-		-
3.2	Thu từ bán cổ phần cho công đoàn	**(e)**	-		-
3.3	Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	**(f)**	-		-
3.4	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài	**(g)**	4.399.540	10.000	43.995.400.000
4	**Giá trị mệnh giá cổ phần bán cho CBNV, công đoàn, NĐT chiến lược, bán đấu giá ra bên ngoài**		**4.531.840**		**45.318.400.000**
5	**Chênh lệch giá trị phần vốn Nhà nước và vốn điều lệ CTCP**	**(h)=(b)-(a)**			**6.481**
6	**Chi phí cổ phần hoá dự kiến**	**(i)**			**400.000.000**
7	**Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư**	**(k)**			-
Tổng số tiền nộp vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		**(l)=(c)+(h)-(i)-(k)**			**44.389.206.481**

Xí nghiệp Khai thác-Dịch vụ Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ sẽ thực hiện hoàn vốn ngân sách nhà nước theo quy định sau khi hoàn tất việc bán cổ phần lần đầu ra bên ngoài.

IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Xí nghiệp

Ông **Nguyễn Anh Dũng**, Chủ tịch HĐTV Tập đoàn, Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa Xí nghiệp Khai thác-Dịch vụ Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ trực thuộc Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam ;

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt.

2. Đại diện Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam

Ông: **Nguyễn Ngọc Bích**, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được Tập đoàn hóa chất Việt Nam phê duyệt.

3. Đại diện Xí nghiệp Khai thác-Dịch vụ Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ

Ông: **Nguyễn Huy Cẩn**, Giám đốc Xí nghiệp Khai thác-Dịch vụ Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ;

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính và kết quả, triển vọng phát triển của Xí nghiệp Khai thác-Dịch vụ Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ.

4. Đại diện Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Bà **Trần Thị Thu Hương,** Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia.

Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia đảm bảo rằng việc xây dựng và soạn thảo Bản Công bố thông tin này rất trung thực, khách quan và chính xác dựa trên các thông tin và số liệu do Xí nghiệp Khai thác-Dịch vụ Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ cung cấp.

Tất cả những thông tin trên được đưa ra theo đúng quy định của Luật hiện hành nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đấu giá mua cổ phần của Xí nghiệp Khai thác-Dịch vụ Khoáng sản và Hóa chất Phú Thọ.

V. KẾ HOẠCH THAM GIA THỊ TRƯỜNG ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH, NIÊM YẾT

Theo Khoản 17, Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015, Công ty cần phải được đăng ký để lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom, niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a) Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo quy định pháp luật về cổ phần hóa, tổ chức phát hành phải hoàn tất các thủ tục để đăng ký lại doanh nghiệp (nếu có), đăng ký lưu ký cổ phần, cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom;

b) Trường hợp doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng mà đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ niêm yết ngay sau khi kết thúc đợt chào bán và báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Sau khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần, nếu Công ty đủ điều kiện là Công ty đại chúng theo quy định Điều 25 Luật Chứng khoán, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty sẽ thực hiện và hoàn tất các thủ tục đăng ký Công ty đại chúng, đăng ký lưu ký cổ phiếu tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán, đăng ký giao dịch Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định. Trường hợp Công ty đủ điều kiện niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 01 năm kể từ ngày đăng ký hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

Phú Thọ, ngày 20 tháng 5 năm 2016

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

TRƯỞNG BAN

NGUYỄN ANH DŨNG

ĐẠI DIỆN

CÔNG TY TNHH MTV APATIT VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HĐTV

NGUYỄN NGỌC BÍCH

ĐẠI DIỆN

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC – DỊCH VỤ KHOÁNG SẢN VÀ HÓA CHẤT PHÚ THỌ

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HUY CẦN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ THU HƯƠNG